

ĐẠO TÂM dịch

vấn đáp Tâm Địa Pháp Yếu



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO



Vấn Đáp Tâm Địa Pháp Yếu

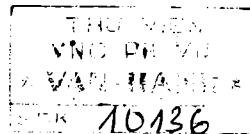
ĐẠO TÂM dịch

VẤN ĐÁP TÂM ĐỊA PHÁP YẾU



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
2008

21/5/2012



Lời Tựa

Pháp Môn Tâm Địa là sao?

Tiên đức nói: “Pháp Môn Tâm Địa có vô lượng thắng nghĩa, nhưng nói về chân lý thì chỉ có một tâm này”. Bởi vì tâm là gốc muôn pháp và có khả năng sinh ra tất cả pháp, cho nên gọi là tâm địa. Vả lại, người tu nương theo pháp này thực hành nên gọi là Pháp Môn Tâm Địa.

Tâm của chúng sanh giống như đất, ngũ cốc từ đất mà sanh. Tâm pháp cũng như thế, các pháp thế gian, xuất thế gian, thiện ác, ngũ thú nhiễm tịnh đều từ tâm sanh, cho nên nói tam giới duy tâm. Tâm được gọi là tâm địa vì tất cả các pháp đều từ tâm mình sanh ra. Đã là tâm mình sanh ra, nên biết tất cả đều là tâm mình. Nhưng nhục nhãn (mắt thế gian) chỉ có thể thấy cái gì có hình sắc chứ không thể thấy được sắc tướng chơn thể bên trong, chỉ có con mắt của người đã khai ngộ mới có thể thấu suốt tất cả pháp đều là tâm tánh mình.

Chúng sanh vì nhiều kiếp mê muội, từ vô thủy đến nay bị nghiệp thức che đậy, vọng nhận ngũ uẩn làm thân, duyên theo bóng dáng sáu trần làm tâm mình. Tuy cả ngày làm mà không biết mình làm gì, cho đến chấp rằng con

người sống ắt có chết, sự nghiệp một đời chết là xong. Có người còn nói rằng: người ta chết rồi như lửa tắt, như mây khói tan, tiêu mất hết không còn gì. Vì lầm hiểu như thế, cho nên nhiều kiếp thọ khổ luân hồi.

Đức Phật của chúng ta vì thương xót chúng sanh mà nói Pháp Môn Tâm Địa này. Ngài muốn chỉ dạy chúng sanh y theo giáo pháp tu hành để chóng dứt trừ sanh tử, lập tức thành Phật đạo.

Tỳ Kheo Truyền Bồ



VẤN ĐÁP TÂM ĐỊA PHÁP YẾU.

Hỏi: Thế nào là đại nghĩa Phật pháp?

Đáp:

Đức Phật thuyết pháp 49 năm không nói chữ thứ hai mà chỉ nói chữ “tâm”. Nếu ngoài tâm mà có pháp tu hành, tôi bảo đảm anh là phạm phu, mãi mãi muôn đời cũng không được giải thoát.

Vì sao?

Bởi vì ngoài tâm không có pháp. Cho nên nói Phật pháp chính là một chữ tâm này, dù sao đi nữa anh cũng không nên đi sai đường. Giả sử anh tu Tịnh độ cũng phải biết nhất tâm Tịnh độ, tu Thiền tông phải biết tâm là gì. Kinh nói: “Chỉ ngộ một tâm, thoát khỏi tam giới”.

Tâm lại ở đâu? Tâm không có hình tướng. Tâm của anh là không, cho nên nó không có hình tướng, chúng ta tu Phật pháp chính là tu tánh không này.

Cái không này là gì?

Cái không này chẳng phải cái không diệt có rồi mới hiển bày không, mà cái không này là chơn không mà chẳng không. Cái không mà chẳng không là Phật tánh của chúng ta, anh nói có thì nó không có, nói không

có lại là có. Tất cả pháp đều do tâm sanh, gọi là chơn không sanh diệu hữu.

Nói về chơn không diệu hữu, nghĩa là tất cả vật xung quanh chúng ta đều là diệu hữu, còn chơn không chính là tâm chúng ta. Tâm chúng ta không có tướng, cho nên nói là chơn không.

Đã là chơn không, vậy có dụng không? Không. Chơn không hay sanh ra diệu hữu, thân chúng ta đều là theo duyên sanh ra, nghĩa là tâm thanh tịnh của chúng ta theo vọng thức, theo nhân duyên của cha mẹ mà sanh ra thân này. Nếu chúng ta hiểu được đạo lý này thì chúng ta không theo duyên. Muốn không theo duyên, tâm chúng ta phải có định lực, vì trước khi thấy duyên, sẽ biết duyên đều là tà, đều là không tốt, chúng ta phải xa lìa nó.

Muốn xa lìa nó phải nương vào đâu? Phải nương vào định lực, cho nên chúng ta phải khéo tu định. Khi anh có định lực, định lực biểu hiện ra ngoài thế nào? Người ta chửi anh, anh cũng cảm thấy như không có chửi, vì trong tánh không không có chửi. Trong tánh không cũng không có nhân duyên cha mẹ hành dâm dục để đi tái sanh.

Tâm chúng ta là không, không chính là tâm chúng ta. Tâm chính là pháp thân của chúng ta, pháp thân chính là tánh không, trong tánh không không có vật gì cả, cho nên nói là đại giải thoát. Đã không có gì, thì tâm mình rất tự tại, đương nhiên là giải thoát.

Giải thoát là sao?

Chúng ta ở trong thế giới ta-bà, tất cả hành vi, tất cả tạo tác, tất cả sở hữu giống như một sợi dây trói buộc chúng ta. Vả lại trong kinh Phật cũng nói: Chúng ta sanh trong thế giới ta-bà giống như ở trong nhà lửa. Bây giờ chúng ta biết được tâm tánh là tánh không, nắm được tánh không thì chúng ta không có nhà lửa cũng không có dây, chúng ta không phải “giải” sao? Không có nhà lửa, chúng ta không phải “thoát” sao? Cho nên nói là đại giải thoát.

Giải thoát chính là viên dung vô ngại, viên dung vô ngại là gì? Chính là Phật tánh. Chúng ta mặc tình ngao du trong mười phương pháp giới, mười phương chính là tánh không của mình, tánh không chính là pháp thân, pháp thân chính là tánh không, cho nên nói là viên dung vô ngại.

Nếu tâm không thanh tịnh, có một mảy may vật ở trong tâm chúng ta, đó là không viên dung, tâm này sẽ có ngại. Có ngại sẽ theo ngại mà đi thọ sanh, làm sao anh giải thoát?

Có thiện ngại sẽ được thiện đạo, thiện đạo là hai đường trời người, anh sẽ vào cõi người cõi trời mà hưởng thụ.

Có ác ngại sẽ dọa đường ác, như người đem chuyện vô lý đối đãi không tốt với anh, tâm anh sẽ nổi giận. Sau khi chết tái sinh làm thân sân hận như rắn, cạp, sói, ... quả báo sau này cũng vậy.

Cho nên tâm phải rỗng không, không dính mảy may chướng ngại gì cả. Đã không ngại thì không sanh không tử, đây không phải là đại giải thoát sao?

Tánh không nói là có lại không có, nói không có lại tịch mà thường chiếu, chiếu mà thường tịch, nó luôn luôn ở trong tâm anh. Đèn tâm của anh thường phóng quang mà anh không biết, anh nhìn không thấy được nó. Tánh không lúc nào cũng thường tịch, tịch là trong lặng thanh tịnh, trong tâm hoàn toàn thanh tịnh, nhưng trong tâm anh ngày nào cũng làm những chuyện bậy bạ, vì sao? Vì anh không biết tâm thanh tịnh này, cho nên anh không sử dụng được nó.

Chơn tâm này là không mà chẳng không, nếu anh nhận ra không mà chẳng biết chơn không, thì thành ra đoạn diệt không, dù có tu thành cũng chỉ là Tiểu thừa Phật pháp, anh không thể thành Phật. Nhưng chơn không thì không có đoạn diệt, vì không có tướng mới nói chơn không, thật ra nó chẳng không. Không mà chẳng không gọi là chơn không, nghĩa là trong không có cái chẳng không.

Chúng ta ở trong định, dù thấy cái gì cũng chỉ thấy mà thôi. Như thấy tường vách chỉ là tường vách, thấy chén trà chỉ là chén trà. Còn thấy người thấy có nam nữ già trẻ, đây gọi là thấy hai. Thấy hai sẽ có tâm phân biệt, như vậy anh sẽ có sanh tử.

Ở trên tôi đã nói qua, Phật pháp chỉ là một chữ tâm, chỉ cho thấy một chứ không cho thấy hai. Sự khác nhau giữa Bồ-tát và phàm phu chúng ta là các ngài chỉ thấy một chứ không có thấy hai. Cho nên Bồ-tát “thấy sắc biết là không”, dù thấy cái gì, các ngài cũng thấy là tánh không, không nhận định là vật ngoài

tâm, tất cả vật đều từ tánh không của mình mà ra, cho nên đều là con cháu của mình. Đã là con cháu của mình thì giống như mình, không có thấy hai, không có nói thương cái này ghét cái kia, đều đối đãi bình đẳng như nhau.

Đối đãi bình đẳng là gì?

Các vị nên biết rằng, tâm bình thường là đạo, đó là pháp thân là Phật tánh của chúng ta. Cho nên nói Phật tánh là bình đẳng, không có phân biệt cao thấp đông tây nam bắc, hoàn toàn là một. Đã là một thì không có đối tượng so sánh, cái một này không trụ, cũng thành không. Trong không thấy đồng như không có, một mảy tơ cũng không mang, hoàn toàn không dính mắc gì cả, đã không mang một mảy tơ thì đâu có sanh tử? Nếu có một mảy tơ thì anh không nên oán người khác, toàn là tâm anh biến hiện ra. Khi tâm anh không thì trong ruộng bát thức của anh rỗng rang thanh tịnh, khi anh chết sẽ đi đâu? Không có chỗ đi, không đến đến không đi.

Đức Phật nói rằng tánh không vốn không có chết, chết là bỏ thân này, còn tánh không của mình hoàn toàn không có sanh diệt,, như vậy anh sẽ chứng được tánh không. Tánh không không có tướng thì làm gì có sanh diệt?

Đại nghĩa Phật pháp là như thế.



Hỏi: Thế nào là nhất tâm? Làm sao mới được giải thoát sanh tử?

Đáp:

Pháp nhất tâm chính là diệu tâm viên giác, viên chính là viên dung vô ngại, giác nghĩa là đại giác, tâm vi diệu này rõ ràng sáng suốt. Nói là có, cũng có mà lại cũng không, sự vi diệu này khó mà nắm bắt, nhìn không thể thấy nó.

Tâm viên giác này không động, nó hoàn toàn thanh tịnh, đã không tướng lại không động, không đến không đi. Nhưng tâm này không lìa thọ tướng hành thức, huyền tâm thọ tướng hành thức là tâm thức, tâm thức là cái thức sau cùng của năm uẩn – sắc thọ tướng hành thức. Nó là tâm vương, tất cả việc đều do nó làm chủ tể, nhưng nói theo Phật pháp, huyền tâm này là giả.

Huyền tâm này từ đâu mà có? Chính từ trong chơn không Phật tánh của đại giác mà ra. Nếu anh khai ngộ thì thân này tức là pháp thân, vọng tâm tức là chơn tâm, phiền não tức Bồ-đề, sanh tử tức Niết-bàn.

Vì sao nói như thế?

Bởi vì nếu anh thật sự tỏ ngộ chơn lý này, thì thân của chúng ta là giả, là vật sanh già bệnh chết. Nhưng trong thân chúng ta có pháp thân, pháp thân là tánh không, nó không có sanh già bệnh chết. Anh biết được đạo lý này thì anh sẽ thấy thân này đây là giả, anh không còn chấp nó là thật nữa, mà biết trong thân có chơn pháp thân mới là kho báu của anh.

Anh biết được như thế, huyền tâm thọ tướng hành thức sẽ biến thành của báu, thành chơn pháp thân của anh, vọng tâm biến thành chơn tâm.

Vì sao lại nói phiền não tức là Bồ-đề?

Như anh thực sự tỏ ngộ đạo lý mà anh có phiền não, vậy phiền não từ đâu đến? Phiền não chính là tâm thức thọ tướng hành thức. Tâm Bồ-đề chính là chơn pháp thân trong thân, chơn pháp thân không có phiền não. Anh biết được trong thân có chơn tâm, có chơn pháp thân thì phiền não của anh từ đâu có? Cho nên phiền não tức là Bồ-đề.

Sanh tử là phiền não, Bồ-đề là Niết-bàn, cho nên sanh tử tức Niết-bàn cũng biến thành một. Đây có nghĩa là bảo anh rằng, anh phải hiểu rõ trong thân chúng ta có chơn pháp thân, cho nên Thánh nhân nói: “Trong thân ngũ uẩn có chơn Phật” nghĩa là trong thân ngũ uẩn có một tôn chơn Phật, tôn chơn Phật này chính là tánh không của chúng ta.

Làm sao được giải thoát?

Tự tánh chơn pháp thân của chúng ta, nếu rời thân này, thân này sẽ chết. Tự tánh tuy là của báu không sanh không diệt, nhưng thân này có sanh có diệt có sanh tử. Thân này chết đi thì tự tánh sẽ rời nó, vì tự tánh rời thân, thân không thể duy trì được mà sẽ hủy hoại, kẻ phàm phu không hiểu sẽ nói rằng người ấy chết.

Phàm phu có sanh tử, thánh nhân không có sanh tử.

Vì sao nói như thế?

Phàm phu thấy thân này không còn hơi thở cho rằng đã chết, thánh nhân chứng được tánh không, biết thân này là giả, tánh không lúc nào cũng hiện trước mặt, các ngài hoàn toàn lấy tánh không làm chủ, mà tánh không vốn không có hơi thở, không giống như phàm phu có sự hô hấp, tánh không đã không có hô hấp thì làm gì có sanh tử? Không những hiện tại như thế, mà quá khứ, vị lai cũng thế, nó đâu có quá khứ, hiện tại? Hoàn toàn không có.

Thánh nhân dùng tánh không pháp thân làm thân, phàm phu dùng huyền thân làm thân. Dùng tánh không làm thân, tánh không không có sanh tử, cho nên gọi là thánh nhân. Phàm phu dùng thân giả làm thân, cho nên gọi là phàm phu.

Anh mê muội dùng thân giả làm thân, bây giờ nói cho anh biết rõ ràng thân huyền là giả, trong thân giả của anh có chơn pháp thân, vậy anh phải bỏ thân này mà nhận pháp thân làm thân. Tuy bây giờ anh chưa chết, nhưng trong tâm không nên nhận thân này làm thân, được như thế, anh sẽ không còn sanh tử.

Bây giờ tuy ở trong sanh tử, nhưng anh đã ra khỏi sanh tử. Như thế đến lúc mạng chung tâm anh rất thanh tịnh, không có cảm giác gì cả – anh không có chết. Đây là bảo anh biết rằng trong thân này có chơn thân, có chơn ngã, anh được chơn ngã này thì phải luôn giữ kỹ, như vậy anh sẽ không có sanh tử.

Vì sao nói như thế?

Bởi vì hơi thở trong thân anh đã dứt thì thân anh tan rã mà Phật tánh chơn ngã của anh hoàn toàn không hủy diệt. Bây giờ anh nắm chắc Phật tánh, anh sẽ nhận chơn bỏ giả, anh được của báu chơn ngã rồi thì không nên nhận ngã giả thân này, cũng như mùa hè nóng nực anh không nên xé chiếc áo này vì nó với anh hoàn toàn không quan hệ gì cả.

Như ở trên đã nói, bảo anh phải biết tánh không sẵn có của mình. Hôm nay anh nghe nói đạo lý này, nhưng anh vẫn không hiểu nó lợi ích thế nào, trong Phật pháp gọi đây là trước mặt lằm qua. Của báu này lúc nào cũng ở bên mình anh mà anh không biết sử dụng nó, như có vàng bạc của báu ở trong túi của anh mà anh không biết, của báu này bị anh bỏ quên đi, như vậy gọi là trước mặt lằm qua.

Nếu anh thật sự biết được nó, anh nắm chắc được nó, nắm chắc phải nắm bằng cách nào? Nghĩa là trong 12 thời đi đứng nằm ngồi không rời của báu này, của báu này luôn luôn ở trước mặt.

Của báu này là gì? Chính là tâm không tướng của anh! Anh luôn luôn nhìn thấy nó, không rời nó, đã lâu lắm rồi nó không lúc nào rời anh. Sau này dù cho không thấy, nó cũng không rời anh, vì sau một thời gian đã thành thực rồi, thì anh và nó biến thành một, nó không rời anh, như vậy anh đâu còn có thân này? Thân anh cũng sẽ thành vô dụng.

Tuy nhiên, thân này có ăn uống, anh đối với nó không phát sinh quan hệ gì. Anh với thân này không

phát sinh quan hệ là sao? Nghĩa là thân anh có bệnh mà anh không biết. Thánh nhân dù cho thế nào cũng không bệnh, vì trong tánh không vốn không có bệnh. Cho nên vua Ca-lợi cắt thịt Tiên nhân nhân nhục, thân Ngài bị vua Ca-lợi cắt mà Ngài hoàn toàn không có đau khổ. Bởi vì tánh không của Ngài đã hiện ra, thân không có cảm giác gì, cho nên cắt thân này cũng giống như cưa gỗ, nó biết đau không? Nếu anh có đau sẽ có cảm giác, có cảm giác sẽ có lạnh nóng. Có lạnh sẽ thọ lạnh, có nóng sẽ thọ nóng, đó là thần thức của anh, thần thức là có sinh tử. Thánh nhân các ngài sống được với tánh không không có tướng thì làm gì có nóng lạnh?

Tuy nói như thế, tánh không rất khó thấy! Anh biết được tánh không, tuy vẫn không thể chứng được, nhưng anh sẽ được chỗ rất tốt, điểm thứ nhất là khi lâm chung một niệm nhớ tánh không thì tánh không hiện tiền, anh sẽ giải thoát sanh tử. Nếu anh không thể sử dụng được tánh không như thế, hạn thấp nhất, là sau khi chết đời sau vẫn không đọa đường ác, không mất thân người, đời sau vẫn được tiếp tục tu hành.



Hỏi: Sao gọi là tức tâm tức Phật?

Đáp:

Tâm chúng ta chính là Phật, Phật chính là tâm. Ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp không có tâm. Bước đầu học Phật, anh sẽ nhận ra tâm mình chính là

Phật, Phật chính là tâm. Tu mãi đến thành Phật vẫn là tức tâm tức Phật chứ không có hai. Đây là nói rõ tâm tánh của mình “tất cả pháp không hai, đại đạo chóng hiện tiền”, đó là chứng minh điều thứ nhất.

Điểm thứ hai, “chỉ ngộ nhất tâm, liền vượt tam giới”. Anh tu tức tâm tức Phật, có được định lực thì tâm không có vọng tưởng, tuy không có vọng tưởng, nhưng anh không chứng được Phật tánh, đợi khi nào anh tu thành công, vọng tưởng sạch hết không còn, cho đến tâm cũng không có, Phật cũng không có, mọi việc đều không có, chỉ có một khối rỗng lặng, như vậy đâu còn có sanh tử? Đâu còn có Phật và chúng sanh? Đây không phải là Phật sao?



Hỏi: Tu tức tâm tức Phật có theo giai đoạn không?

Đáp:

Không. “Tức tâm tức Phật” từ gốc đến ngọn đều là tức tâm tức Phật, mọi việc đều không có. Nếu anh là người thượng căn lợi trí vừa nghe tức tâm tức Phật liền nhận ra tâm mình chính là Phật, Phật chính là tâm. Nhưng bước đầu anh được như thế chỉ là tin mà thôi, chứ chưa phải chứng ngộ, chẳng qua chỉ tin tâm này chính là Phật.

Anh nắm vững được “Tức tâm tức Phật”, anh cần phải tu định nữa, đợi khi nào định lực của anh mạnh thì anh sẽ dứt trừ các duyên bên ngoài. Không có định lực mới có duyên bên ngoài, có định lực thì duyên bên ngoài tự dứt.

Khi không có định lực, nếu anh là nam, anh có vợ, có sự nghiệp kéo lùi, nếu là nữ sẽ có con trai con gái kéo lùi, đó là anh không có định lực.



Hỏi: Có định lực, thấy cảnh là thấy tâm phải không?

Đáp:

Anh có định lực, thấy tất cả mà cũng như không thấy, hoàn toàn chỉ là một định lực.

Định lực ở đâu?

Định lực là không, không có gì là định lực cả. Khi định lực không, thì khắp nơi đều là trí tuệ của anh.



Hỏi: Khi có định lực, định chính là tuệ phải không?

Đáp:

Tâm, định, tuệ là một, một mà là ba, ba mà một, đây có nghĩa là tức tâm tức Phật. Đến lúc này, tâm cũng không có, định cũng không có, thấy tất cả mà như không thấy, chỉ là một khối rỗng rang thanh tịnh, rỗng rang thanh tịnh tức là tâm, tâm tức là không, tâm tức là pháp thân, pháp thân tức tánh không, đây mới là đạt tới chỗ rốt ráo.

Hỏi: Sao gọi là thật tướng?

Đáp:

Thật tướng nghĩa là thật tướng Bát-nhã, thật tướng mà không tướng là thật tướng. Bát-nhã còn gọi là thật tướng, tánh không của Bát-nhã là không có tướng, tuy không có tướng mà lại khởi tất cả tác dụng, cho nên nói không có tướng nhưng lại có thật tướng.

Không tướng là thật tướng, đây là ý gì? Không tướng là không, không có hình tướng để thấy, không có tướng ấy chính là không. Tướng không này là chơn không mà chẳng phải đoạn diệt không. Chơn không là mãi mãi không đoạn diệt, từ vô thủy về trước là nó, quá khứ, hiện tại, vị lai đều là nó, không sanh không diệt, muôn đời còn mãi, thường trụ không hoại, cho nên gọi là thực tại.

Nhưng nó không có tướng, cầm không được, nhìn không thấy, cho nên tuy nó có, nhưng không có tướng cho anh thấy. Thật tướng mãi mãi không hoại, đây mới là chơn thật, mới gọi là thật tướng.

Mất anh sẽ nhìn thấy tướng, tướng đó sẽ bị hủy diệt, chỉ có tánh không nhìn chẳng thấy mới không có hủy diệt, mới là của báu chơn thật. Chúng ta chứng được tánh không này, sẽ chứng được Phật tánh, được như vậy mới giải thoát sanh tử.



Hỏi: Muốn tỏ ngộ thật tướng, có đẹp trừ tọa thiền khai ngộ, không cần phương pháp gì chăng?

Đáp:

Câu này thật có lý, nếu anh không khai ngộ thì rất khó biết rõ thật tướng. Bởi vì không có khai ngộ, thì anh không thể chuyển thân nôi, nghĩa là rất khó tỏ ngộ. Vừa mới nói thật tướng, vì sao nói nhìn không thấy?

Thật tướng là vô tướng, thật tướng không có tướng cho anh thấy. Nếu không có tướng, có phải là không chăng? Không sai. Đúng là không. Nhưng cái không này là chơn không, chơn không chẳng phải không là diệu hữu.

Chơn không là gì?

Cái không chẳng phải không là chơn không, chơn không mà không có không, nhưng lại là vô tướng. Tuy vô tướng tức là diệu hữu mà nó có thể sanh ra muôn vật.

Diệu hữu là sao?

Diệu hữu chẳng có, diệu hữu rất là vi diệu, nói có lại cảm không được, nhìn không thấy nói không có thật sự là có vật diệu hữu ấy, ẩn ẩn hiện hiện, chợt có chợt không, cho nên diệu hữu rất là vi diệu, không thể nói có cũng chẳng thể nói không.

Nói tóm lại, thật tướng vô tướng chính là chơn không, chơn không chẳng không tức là diệu hữu, diệu hữu chẳng có tức là chơn không, chơn không vô tướng tức là thật tướng. Chơn không, thật tướng, diệu hữu, một mà ba, ba mà một, là một vật hoàn toàn không phải ba.

Nếu anh thấy được thật tướng, đến đâu cũng là thật tướng, bởi vì anh không ngộ được trình độ này, cũng không có thấy dạy anh, cho nên anh không thấy được.

Thật tướng nơi nào cũng có, bàn ghế, tường vách, ngói gạch, trà nước trong nhà này đều là thật tướng, chị là nữ là thật tướng, anh là nam cũng là thật tướng, tất cả muôn vật đều là thật tướng.

Bởi vì thật tướng không tướng mà chẳng phải không tướng, thật tướng nói là không tướng nhưng chẳng phải không có tướng, nơi nào cũng là thật tướng.

Vì sao nói như thế? Không có thật tướng thì không có những vật này, đã có những vật này, đều là thật tướng hiện, do thật tướng sanh ra. Cho nên nói thật tướng không tướng mà chẳng phải không tướng, không có cái gì mà chẳng phải nó sanh ra, nó đầy đủ vô số công đức, trời đất muôn vật nhiều như cát sông đều từ nó sanh ra, cho nên nói chơn không diệu hữu, không gì chẳng có.

Nếu anh hiểu rõ đạo lý thật tướng không tướng mà chẳng phải không tướng, chẳng phải không tướng nghĩa là sự vật ngàn sai muôn khác đức Phật nhìn thấy: “thấy sắc biết không” tất cả những vật ấy đều là tánh không. Tánh không chính là thật tướng, thật tướng chính là chơn không, nói tới nói lui lại thành một cái, ngay cả tướng cũng không luôn.



Hỏi: Thật tướng có nhiều công đức, vì sao có sanh diệt mà không có không sanh diệt?

Đáp:

Thật tướng có nhiều công đức nghĩa là thật tướng tuy như vô tướng mà sanh ra muôn vật có vô số công đức như thế, cho nên nói có vô số công đức, đây là cách nói thứ nhất.

Nguyên nhân thứ hai là, chơn tâm như như bất động, động dụng vô cùng, tuy bất động, nhưng chơn như chẳng giữ tự tánh, gặp duyên liền sanh.

Tâm chơn như thanh tịnh của chúng ta vốn không động – như như bất động, bất động như như. Anh nói nó động, nó lại không động, nói không động lại như như, không động mà dường như có động, như vậy động hay không động?

Động dụng vô cùng, vốn không có động, nhưng trời đất muôn vật đều từ nó mà sanh, cho nên nói động dụng vô cùng. Khi nó động, sức tác dụng không có bờ mé, không có cùng tận. Cho nên chơn như không sanh không diệt, tuy thanh tịnh, nhưng nó không giữ tự tánh, vì không giữ tự tánh cho nên gặp duyên liền sanh.

Chơn như vốn là bất động, nhưng gặp duyên thì động, theo duyên cùng với duyên hợp thành một, gặp người duyên theo thì sanh ra con cái, gặp núi duyên theo thì sanh ra một ngọn núi, gặp cái gì duyên theo thì sanh ra cái ấy.

Duyên từ đâu mà có? Xét tột cùng nguồn gốc, chính là tâm thức của ngũ uẩn. Tâm thức này chính là thức thứ bảy, thức thứ bảy ở trong thức thứ tám sanh ra. Chơn như không giữ tự tánh, theo vọng thức vọng tâm kết thành thức thứ tám. Cho nên thức thứ tám là chơn và vọng hòa hợp, trong đó một nửa chơn như, một nửa vọng tưởng, chơn như và vọng tưởng ở chung một chỗ.

Chơn như thì bất động, còn vọng tưởng thì sát-na chẳng dừng. Vọng tưởng gặp duyên liền sanh, nhưng nó không có cội gốc chơn như thì không thể sanh ra được, nó phải nhờ vào sức mạnh của chơn như mới sanh ra được. Cho nên, những vật này đều từ nhân duyên sanh ra, đã là nhân duyên sanh ra thì không có bất diệt.

Vì sao nói như thế?

Bởi vì “Duyên sanh không tánh, thể của nó là không”. Pháp do nhân duyên sanh ra, nó không có tự tánh, tuy có hiện lượng hiện tiền, nhưng chỉ là pháp sanh diệt, chứ không phải thường trụ.

Pháp duyên sanh không có tự tánh, rốt cuộc sẽ hủy diệt, nhưng “thể của nó là không”, chơn thể của nó mãi mãi không hủy diệt. Duyên này diệt rồi, chơn thể gặp một duyên khác, theo duyên mà đi thọ sanh, như thế sanh rồi diệt, diệt rồi sanh, mãi mãi muôn đời không có cùng.

Phàm phu không biệt chân lý, cho rằng con người là chết, chết rồi sanh, lẽ ấy là như thế. Thật ra, duyên tan rồi, chúng ta sẽ chết, duyên tụ hợp trở lại, chúng ta tiếp tục sanh, cho nên đều là pháp nhân duyên sanh diệt.

Phàm phu theo duyên sanh diệt như thế, còn thánh nhân thì sao? Như Bồ-tát Quán Âm chứng được tánh không, vì độ tất cả chúng sanh mà hiện ra pháp tướng 32 ứng hóa thân. Cho nên Phật, Bồ-tát gặp cảnh giới thì hiện ra pháp tướng của cảnh giới ấy, nhưng có tướng cũng tốt, không tướng cũng tốt, các ngài đều được tự tại vô ngại.

Tự tại vô ngại là gì?

Các ngài chứng được tánh không, các ngài không có duyên, không theo duyên, vì không theo duyên, cho nên tùy theo ý nguyện của mình làm gì thì làm, làm gì cũng tự tại.

Phàm phu chúng ta không được tự tại thì làm sao chúng được tự tánh? Tự tánh không phải do chúng mà được, mỗi người đều có đủ, chúng ta ai cũng sẵn có tự tánh này. Tự tánh chính là chơn như, chơn là không vọng, như là không đến, không đến tức không đi.

Phật tánh chơn thật của chúng ta không sanh không diệt, không đến không đi. Nhưng chơn như không giữ tự tánh, vì không giữ tự tánh cho nên gặp duyên liền theo duyên đi, theo duyên đi thì sanh ra muôn vật, khi duyên tan thì muôn vật sẽ hủy diệt. Cho nên tuy chúng ta có của báu chơn như này, nhưng chúng ta không có sức chủ quyền giữ nó, nó cũng không giữ tự tánh, không giữ tự tánh thì theo duyên sanh theo duyên diệt.

Vì sao nói như thế?

Bởi vì chúng ta không có chủ quyền, nghĩa là chúng ta quá ngu mê, cổ đức nói: “Nếu thấy duyên tánh, liền

thoát duyên trôi buộc”. Chúng ta theo duyên sanh theo duyên diệt, vì sao có được năng lực này? Vì duyên có tánh, tánh này chính là chơn như tự tánh sẵn có của chúng ta.

Chơn như không giữ tự tánh sẽ theo nhân duyên vọng tưởng sanh diệt, nếu chúng ta biết được đạo lý này thì sẽ thấy được duyên tánh, thấy duyên tánh sẽ không còn theo duyên, không theo duyên sẽ giải thoát sanh tử. Nhưng phàm phu không thấy được duyên tánh, rõ ràng là tự tánh theo duyên mà chúng ta không biết.

Chơn như tự tánh của chúng ta theo nhân duyên vọng tưởng mà sanh ra muôn vật, hoặc sinh ra động vật hữu tình hoặc sinh ra thực vật hoặc khí giới vô tình. Đây đều là tự tánh theo duyên sanh ra, bởi do chúng ta ngu si không biết, cho nên Phật tánh của chúng ta bị duyên lợi dụng. Khi duyên có sức mạnh, chúng ta sẽ theo duyên sanh, khi duyên không có sức mạnh, cũng theo duyên diệt.

Con người và động vật luân hồi trong sáu đường, sanh rồi tử, tử rồi sanh trôi lăn trong sáu đường. Trôi lăn trong sáu đường, nghĩa là mãi mãi muôn đời ở trong duyên, theo duyên sanh theo duyên diệt. Cho nên cổ đức nói: “Nếu gặp duyên tánh, liền thoát duyên trôi buộc”. Nếu chúng ta thấy được tánh của nhân duyên, đó là thấy được tánh mình, chúng ta không theo duyên thì sẽ rời khỏi sự quan hệ của duyên.

Bây giờ tôi nói rõ đạo lý này cho các vị biết, duyên tánh chính là chơn như tự tánh của chúng ta, chứ không

phải sở hữu của nhân duyên, mà là bản tánh của chúng ta. Bởi vì từ vô thủy cho đến nay, nhiều đời nhiều kiếp mãi đến bây giờ, chúng ta luôn bị duyên che đậy, người xưa nói là “nhận giặc làm con”, chúng ta nhận duyên làm người thân của mình, do đó bám theo nó mà sanh tử. Đức Phật và Bồ-tát thấy chúng ta sanh tử thật là quá oan uổng, vậy chúng ta hãy nên dừng sanh tử.

Hôm nay chúng ta nghe giảng Phật pháp, biết được đạo lý này rồi, chúng ta phải đem chơn như tự tánh sẵn có của chúng ta ra mà sử dụng. Chơn như tự tánh là vô tướng, vậy làm sao đem ra? Vì biết đạo lý này rồi, trong 12 thời mình sẽ thấy nó, đây cũng như của báu ở trong tay, không nên buông nó, nó cũng không chạy đi đâu được. Như thế duyên sẽ theo đó mà diệt, chúng ta cũng sẽ rời khỏi sự quan hệ của duyên mà giải thoát sanh tử.



Hỏi: Chúng sanh hữu tình có Phật tánh, chúng sanh vô tình có Phật tánh không?

Đáp: .

Không những chúng sanh hữu tình có Phật tánh, cho đến chiếc áo rách của tôi đây, bụi dính bên ngoài cũng có Phật tánh. Nếu không có Phật tánh thì không có những vật ấy. Vì tất cả các vật đều từ Phật tánh sanh ra.

Kinh nói: “Tất cả pháp không có pháp nào chẳng từ pháp này lưu xuất, tất cả pháp không có pháp nào

chẳng trở về pháp giới này”. Đây ý nói rằng chúng ta mắt thấy tai nghe tất cả vật, dù động vật, thực vật, núi sông thế giới vi trần, cỏ cây đều từ pháp giới này lưu xuất, từ tâm sanh ra. .

“Tất cả pháp không pháp nào chẳng trở về pháp giới này” vì từ pháp giới này lưu xuất, cho nên đến lúc hủy diệt cũng trở về tâm tánh pháp giới.

Vì sao nói như thế?

Bởi vì một không thì tất cả không, một chơn thì tất cả chơn. Phật tánh của chúng ta là không, cái không này đại biểu tâm tánh mình, tâm tánh mình là không, trời đất muôn vật, vũ trụ con người, tất cả đều là không. Vì tất cả sở hữu đều từ tâm mình sanh ra, cho nên nói một không thì tất cả không, tất cả không thì một không. Tất cả sở hữu đều là không, đây chính là một tâm không của mình, không có hai, cho nên nói tất cả không thì một không.

Một chơn thì tất cả chơn, Phật tánh của mình là chơn như, tất cả sở hữu đều là chơn, không có cái gì là giả. Bởi vì Phật pháp không có hai, chỉ là một vật này, “tất cả pháp không thấy có hai”, cho nên tâm chúng ta là không, tất cả đều là không. Tâm mình gọi là tâm, tất cả cũng gọi là tâm, tâm mình gọi là tánh, tất cả gọi là tánh. Tất cả đều từ một Phật tánh này sanh ra, như cha mẹ sanh ra nhiều đứa con, cha mẹ có Phật tánh, vì sao con không có Phật tánh? Cho nên tất cả muôn vật đều có Phật tánh.

Lúc ở chùa Ngọc Phật, giáo sư Phật học giảng tòa nói tâm tánh rằng: “Tất cả vật đều có Phật tánh, ngay

cả sợi tơ trên mình, đất trong móng tay, bụi bặm đều có Phật tánh”. Tôi nói xong, có một pháp sư nói với mọi người rằng: “Chỉ có động vật mới có Phật tánh, ngoài ra đều không có Phật tánh.” Cuối giờ, những thầy ấy đến thất tôi nói rằng: “tôi giảng sai, tôi mới nói: “Các anh đều là thầy đều là thành phần tri thức, bây giờ các anh thì nhiều miệng còn tôi chỉ có một miệng, tôi không thể biện luận với các anh, bây giờ để tôi tìm sách cho các anh xem”.

Lúc ấy tôi lấy ra bốn quyển sách: Một là kinh Lăng-nghiêm, kinh Lăng-nghiêm nói rằng cỏ lá tơ lụa đều có Phật tánh

Hai là Phật học từ điển ghi rằng, Đại sư Hình Khê nói tất cả vi trần đều có Phật tánh.

Ba là cư sĩ Long Uẩn đời Đường nói: “khó, khó, mười tạ dầu mè trên cây vuốt”, ý nói rằng chúng ta tu hành rất khó, khó cỡ nào? Giống như đem mười tạ dầu mè vuốt trên cây, anh làm sao leo lên cây được? Cho nên nói rất khó.

Nhưng bà Long Uẩn nói: “Dễ, dễ, trên đầu trăm cỏ ý Tổ sư”, ý bà nói rằng chúng ta tu hành rất dễ, vì sao? Trên đầu trăm cỏ đều là Phật tánh, không có chỗ nào không có Phật tánh, chúng ta lúc nào cũng ở trong Phật tánh, tu hành đâu có khó? Trên đầu trăm cỏ đều là ý Tổ sư của chúng ta. Đây là chứng minh lần thứ ba.

Bốn là công án ngài Đạo Sinh thuyết pháp đá gập đầu. Ngài Đạo Sinh chất một đồng đá rồi ngồi đối diện thuyết pháp, ngài hỏi đá rằng: “Những người xiển-đề đều

có Phật tánh, nếu các vị đồng ý những người xiển-đề có Phật tánh thì các vị hãy gặt đầu, còn nếu cho rằng không có Phật tánh, thì các vị hãy im lặng”, cuối cùng những viên đá đều gặt đầu.

Nếu đá không có Phật tánh thì nó gặt đầu được không? Các thầy chưa thâm nhập được kinh tạng, chỉ dựa vào sự thông minh của mình mà nói càn nói bướng.

Sư chỉ tất cả các đồ vật trong nhà nói với đệ tử rằng: “Những vật này đều có Phật tánh.”



Hỏi: Những vật ấy có Phật tánh, vậy nó có thể thành Phật được không?

Đáp:

Đều được thành Phật.



Hỏi: Nếu thành Phật thì có thể giảng kinh thuyết pháp độ sanh, những vật ấy có thuyết pháp được không?

Đáp:

Hiện tại những vật ấy đều đang thuyết pháp.



Hỏi: Nếu đang thuyết pháp, vì sao không nghe không thấy?

Đáp:

Anh không thấy không nghe, đây gọi là vô tình thuyết pháp, hiện tại tường vách đang đối diện anh thuyết pháp, gà kêu chó sủa, chim hót gió reo đều là thuyết pháp, cho nên cõi nước Tây phương Cực lạc chim kêu gió thổi cây vang tiếng đều là pháp âm, đều là thuyết pháp.

Vì sao gọi đó là thuyết pháp? Có âm thanh anh nghe được gọi là hữu tình thuyết pháp, còn không nghe âm thanh gọi là vô tình thuyết pháp.



Hỏi: Gà kêu, chim hót, chó sủa đã không nói pháp Tứ đế, Thập nhị nhân duyên, Lục ba-la-mật, vì sao nói nó cũng đang thuyết pháp?

Đáp:

Gà kêu chó sủa ở đâu đến?

Đệ tử:

– Từ tâm chúng nó.

Thầy:

– Đã biết là từ trong tâm ra, chó sủa là tâm, gà kêu là tâm, chim hót cũng là tâm, tất cả đều là tâm, như vậy có phải nói với anh rằng, đó đều là Phật tánh của anh, chẳng phải chúng nó đang thuyết pháp sao?

Chim kêu chó sủa đều là Phật tánh của anh mà ra, nếu anh biết đây là Phật tánh thuyết pháp, thì chẳng phải anh thấy được Phật tánh của anh rồi sao?

Anh nghe được là Phật tánh của anh, anh thấy được cũng là Phật tánh của anh, đây đều là Phật tánh, chẳng phải nó đang thuyết pháp sao?

Gà kêu chó sủa là hữu tình thuyết pháp, tường vách bàn ghế, ngói gạch cũng đang thuyết pháp, đó là vô tình thuyết pháp, cũng là tâm tánh của anh. Đây là đại biểu cho tất cả đều không có khác, hoàn toàn là tâm tánh, tất cả pháp chẳng thấy có hai, chỉ có một mà thôi. Cái một này là vô tướng, cho nên nói là tánh không, như vậy còn có sanh tử sao?



Hỏi: Vô tình thuyết pháp có thể nghe thấy nó đang thuyết pháp gì không?

Đáp:

Khi anh hoàn toàn yên lặng đến cực điểm anh sẽ nghe thấy cái bàn đang thuyết pháp, thấy tường vách cũng đang thuyết pháp như thế, còn nếu tâm anh rối loạn thì anh không thể biết được vô tình thuyết pháp, điều đó chứng minh rằng nó cũng có Phật tánh.

Người tu hành sau khi mạng chung Phật tánh rời khỏi thân, hòa nhập vào hư không thành Phật, nó có được như vậy không? Được. Đã được, vậy nó có hiện

thân thuyết pháp không? Nó không thể hiện thân thuyết pháp, vì nó là vô tình thuyết pháp, nó thành Phật cũng là thành Phật vô tình.

Thí dụ, chúng ta thành Phật hoặc xem kinh sách khai ngộ hoặc thiền định khai ngộ, hoặc nghe thấy thuyết pháp khai ngộ, như vậy nó nương vào cái gì thành Phật? Vì Phật tánh trùm hư không khắp pháp giới, chỗ nào cũng có, nhưng anh phải chú ý điểm này, chúng ta nói Phật tánh trùm hư không khắp pháp giới, cái hư không này không phải là cái hư không mà anh đang thấy, mà là cái không của Phật tánh. Hiện tại chúng ta biết cái không bao la này là ngoan không, ngoan không có thể bị phá bởi chiếm lấy, còn cái không của Phật tánh không cách nào phá được.

Phật tánh không phải chỉ ở trên thân chúng ta mà nó trùm khắp hư không, những vật này đều ở trong Phật tánh, không có Phật tánh thì không có những vật này, ngay hạt bụi rất nhỏ cũng có Phật tánh, không có cái gì mà không có Phật tánh.

Vì sao?

Bởi vì những vật này không phải cha mẹ sanh, vậy từ đâu đến? Từ Phật tánh sanh, cho nên nói đều có Phật tánh. Nó sanh mà không phải cha mẹ sanh, mà là Phật tánh sanh, nó hủy diệt thì rỗng không không có, vậy cái không này đến chỗ nào? Trở về không, đồng với cái không khi nó hủy diệt, vẫn là ở trong Phật tánh, nó không ra ngoài Phật tánh, cho nên nói nó thành Phật là vậy.

Hỏi: Tâm yên lặng đến tột đỉnh thì sẽ tương ứng với tánh không, chính là đang nghe nó thuyết pháp tánh không phải không?

Đáp:

Các vị thiện sư ngày xưa khi thuyết pháp thường nói với đại chúng: “Lò hương đồng đã thuyết pháp rồi vậy!” Các bậc đại thiện tri thức không có vọng ngữ, nếu các ngài không thấy thì các ngài không thể tùy tiện nói. Các ngài nói với anh rằng lò hương đồng thuyết pháp, anh hãy nghe đi. Anh càng lắng nghe càng không nghe, khi anh nghe tâm càng yên lặng trầm tĩnh. Khi tâm anh yên lặng đến cực điểm, thì anh sẽ thấy lò hương đồng cũng yên tĩnh, giống như sự yên tĩnh của anh.

Khi tâm anh yên tĩnh, thì anh sẽ thấy lò hương đồng yên tĩnh, do đó lò hương đồng là tâm anh, tâm anh chính là lò hương đồng, tâm anh và lò hương đồng hợp nhau. Tâm anh được yên tĩnh như thế thì anh sẽ nghe lò hương đồng đối diện anh thuyết pháp.



Hỏi: Một tâm tịch diệt thì muôn tướng đều tịch diệt, lúc ấy lò hương đồng đang thuyết pháp tịch diệt phải không?

Đáp:

Nó vốn là tịch diệt, tâm anh vừa tịch diệt thì muôn tướng đều tịch diệt.

Tịch nghĩa là lặng lẽ mà thường chiếu soi, diệt có nghĩa là dứt bật mà không sanh, diệt mà thường định, mãi mãi không có xuất định, muôn tướng này đều không xuất định.

Anh cần phải xuất định mới có sanh, có sanh ắt có diệt, đã không xuất định thì làm gì có sanh có diệt? Cho nên tâm anh và nó chỉ là một tâm, tâm anh được thành Phật, thì những vật này đương nhiên cũng thành Phật.

Một vị Phật là tất cả Phật, một không thì tất cả không, một chơn thì tất cả chơn, một giả thì tất cả giả, nghĩa là chỉ có một chứ không có hai.

Chúng sanh ngàn sai muôn khác, không có phân biệt muôn pháp thì Phật chính là tâm anh chứ không có hai tâm. Tôi nói như thế các vị nghe khó hiểu. Vì sao? Vì một người là một tâm, ngàn sai muôn khác dù có bao nhiêu người đi nữa cũng không có hai người đồng một tâm, tâm mỗi người đều không giống nhau.

Đã nói không giống nhau, vì sao hôm nay lại nói tất cả chỉ là một tâm này mà không có hai tâm? Anh biết Phật có ngàn sai muôn khác mà không biết có bao nhiêu vị Phật. Thật ra chỉ có một Phật thôi, chứ không có hai.

Tâm chúng ta là Phật, Phật chỉ có một, tâm chúng ta cũng chỉ có một, chứ không có hai. Tâm ngàn sai muôn khác là tâm sanh tử, hoàn toàn là tâm thức. Tâm thức có nhiều vô số, còn tâm thanh tịnh của chúng ta chỉ có một. Nhưng dù sao đi nữa thì mọi người cũng thành Phật, đều là một cái tâm Phật này. Cho nên ngoài tâm

không có cái tâm thứ hai, thành Phật là nó, luân hồi cũng là nó.

Nói như thế, hai có biến thành một sao? Không!

Thật ra, luân hồi không phải tâm thanh tịnh mà là vọng tâm của anh luân hồi. Nếu là vọng tâm luân hồi, vì sao nói cũng là nó? Vì vọng tâm từ tâm thanh tịnh mà sanh ra, cho nên vọng tâm luân hồi chính là tâm thanh tịnh.

Tâm thanh tịnh như như bất động, vì sao nói có luân hồi?

Nghĩa là tâm thanh tịnh của anh bị vọng tâm xô mũi lôi đi luân hồi. Nếu không bị vọng tâm dẫn đi luân hồi, như vậy đó là “Nếu thấy duyên tánh liền thoát duyên tánh trói buộc”. Sự mầu nhiệm của Phật pháp là như thế.



Hỏi: Phẩm Định tuệ trong kinh Pháp Bảo Đàn nói: “Sáu căn tuy có thấy nghe cảm biết mà không nhiễm muôn cảnh.” Câu này nghĩa thế nào?

Đáp:

Thấy nghe cảm biết chỉ thấy nghe cảm biết thôi, nhưng tánh thấy trùu hư không khắp pháp giới, tánh nghe cũng vậy, cả hai đều như nhau, tánh thấy tức là tánh nghe. Ngoài ra tánh lưởi biết vị, tánh ngửi biết mùi, tánh xúc là thân thể xúc chạm v.v... cũng chỉ là một tánh.

Vậy thì, anh thấy có thể không cần mắt thấy mà dùng tai nghe, nghe tiếng có thể không cần tai nghe mà dùng mắt thấy, đây gọi là sáu căn hỗ dụng, sáu căn biến thành một căn cho nên trong Duy thức nói: “Năm thức đồng một tịnh sắc căn”. Thiền sư Hoàng Bá cũng nói: “Chỉ một tin minh này, mà phân thành sáu hòa hợp”. Tịnh minh nghĩa là tâm tánh. Nhưng ở trên thân phàm phu anh phân biệt thành sáu căn. Nếu anh khéo dụng công, thì sẽ ngộ sáu căn chính là một căn, đây gọi là trở về nguồn.

Như vậy, thấy nghe cảm biết là một, đây gọi là sáu căn hỗ dụng. Thấy cũng tốt, nghe cũng tốt, cảm cũng tốt, biết cũng tốt, thấy không cần mắt thấy nghe không cần tai nghe, cảm không cần thân xúc chạm. Nghĩa là thấy nghe cảm biết là một, lưỡi có thể thấy nghe cảm biết, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân cũng có thể thấy nghe cảm biết, bởi vì nó là một.

Nhưng phàm phu thấy chỉ có thể dùng mắt thấy, nghe không thể thay thế mắt thấy. Nghe là tai nghe, mắt không thể thay thế tai nghe, nghĩa là phàm phu phân một căn thành sáu căn.

Phật tánh xưa nay chỉ là một chứ không có hai. Phật tánh của chúng ta trùm hư không khắp pháp giới, nghe là Phật tánh nghe, thấy cũng là Phật tánh thấy, Phật tánh hoàn toàn không có sáu căn – mắt tai mũi lưỡi thân ý, thấy nghe v.v..., đều là một Phật tánh này.

Phật tánh là thanh tịnh, nó không bị bất cứ ngoại cảnh nào làm ô nhiễm. Nghĩa là: “Tất cả pháp không thấy là hai”, xưa nay chỉ là một. Cái một này là tánh

không không dính mắc, dù cho anh đem cảnh gì làm ô nhiễm nó cũng không được.

Trong Tâm Kinh, Bồ-tát Quán Âm nói năm uẩn không có, mà là thấy như không thấy, nghe như không nghe, sáu căn của Ngài thông nhau, tâm Ngài là tánh không, tánh không chẳng bị ô nhiễm, vì không chấp cảnh chính là không bị ô nhiễm, còn chấp cảnh thì bị ô nhiễm.

Vì vậy không phải nói sự vật hoàn toàn không có, tuy có nhưng là không, cho nên Phật và Bồ-tát thấy như không thấy, nghe như không nghe, không bị cảnh làm ô nhiễm.

Phật tánh của chúng ta như như bất động, trùm hư không pháp giới, “tiếng” từ bên ngoài đến, “thấy” cũng từ bên ngoài đến, mà Phật tánh vốn là bất động. Thí dụ, tôi ở trong nhà thấy cái bàn, anh đem cái bàn dời ra ngoài nhưng mà tánh thấy vẫn ở tại đây chứ không theo cái bàn ra ngoài. Khi anh nói chuyện thì tôi nghe, anh không nói, tánh nghe của tôi vẫn hiện tiền, chứ không phải anh nói tôi mới nghe, còn anh không nói, tánh nghe tôi không có, không phải như thế.

Anh nói tôi nghe, anh không nói tôi cũng nghe, Phật tánh của tôi mãi mãi muôn đời trùm hư không khắp pháp giới, hoàn toàn không động, cũng không bị cảnh làm ô nhiễm. Đó chính là tánh nghe của anh, tánh thấy không có chạy theo cảnh.

Tâm anh động thì theo cảnh nhiễm, anh thấy sắc đẹp, trong tâm anh sẽ vui phân biệt là đẹp, tâm anh sẽ có đẹp, đó là anh chạy theo cái đẹp. Anh nghe người ta chửi anh,

anh khởi phiền não, tâm anh sẽ chuyển theo cảnh, đó là anh theo phiền não. Nếu anh biết tánh mình bất động thì dù cho thấy hay nghe, cảnh giới cũng là ở bên ngoài.

Tâm mình thấy nghe cảm biết trùm hư không khắp pháp giới, cho nên không phải nói có cảnh mình mới có thấy nghe cảm biết, mà không có cảnh tánh thấy nghe cảm biết này cũng trùm hư không khắp pháp giới, hoàn toàn không có động. Tâm mình trùm hư không khắp pháp giới, nó không động cũng không chạy theo cảnh. Nếu anh theo cảnh đó là sanh, cảnh diệt rồi mà tâm anh cũng theo cảnh diệt, như vậy anh sẽ có sanh tử.



Hỏi: Thầy vừa mới nói, nói cũng nghe được, không nói cũng nghe được. Khi không nói thì nghe cái gì?

Đáp:

Nói trùm hư không khắp pháp giới, cái gì trùm hư không khắp pháp giới?

– Tâm trùm hư không khắp pháp giới.

– Đã biết trùm hư không khắp pháp giới, thì mất tai mũi lưỡi thân, thấy nghe cảm biết đều là tâm này. Phàm phu có sáu căn – mất tai mũi lưỡi thân ý – “chỉ một tinh minh này phân thành sáu hòa hợp”.

Thánh nhân chỉ có một tâm, một tâm này trùm hư không khắp pháp giới. Nhưng phàm phu phân một tâm này thành mất tai mũi lưỡi thân ý, như vậy con mất

của anh sẽ biến thành con mắt phàm phu, khi nào có vật anh mới thấy được còn không có vật thì mắt anh không khởi tác dụng. Cũng vậy, có tiếng, tai anh mới nghe, không tiếng tai anh không nghe.

Tánh nghe của thánh nhân trùm hư không khắp pháp giới, chỗ nào cũng là tánh nghe của các ngài. Cũng vậy, chỗ nào cũng là tánh thấy, tánh ngửi, tánh vị, tánh xúc v.v... của các ngài. Sáu căn của các ngài biến thành một căn, một căn này là tâm tánh. Tâm tánh trùm hư không khắp pháp giới, có tiếng thì tánh nghe ở tại đây, không tiếng thì tánh nghe cũng ở tại đây, tánh nghe vẫn là như thế, vốn không có động.

Nhưng người phàm phu cần phải có tiếng mới có tánh nghe, không có tiếng thì không có tánh nghe.

Tánh nghe của thánh nhân vốn không có động, chỉ có âm thanh đến trong tánh nghe này, tánh nghe vốn không có âm thanh ở bên nó. Cho nên âm thanh không có, tánh nghe vẫn hiện tiền.



Hỏi: Thánh nhân chỉ nhận tâm trùm hư không khắp pháp giới, còn sáu trần đến đều không chấp?

Đáp:

Tánh nghe cũng tốt, tánh thấy cũng tốt, tánh chỉ có một mà phàm phu phân thành sáu. Xưa nay chỉ có một, một tánh này trùm hư không khắp pháp giới, hư

không này chính là mình, mình chính là hư không. Cảnh là từ bên ngoài đến, như có tiếng thì nghe trùm hư không khắp pháp giới, không có tiếng, tánh nghe cũng trùm hư không khắp pháp giới, chứ không phải khi có tiếng mới có tánh nghe, khi không tiếng, tánh nghe cũng như thế.

Trong kinh Lăng-nghiêm, đức Phật gạn hỏi Tôn giả A-nan về Thất xứ trung tâm, khi đánh chuông thì tiếng chuông đến lỗ tai hay là lỗ tai của ông đến trong tiếng chuông?

Đức Phật nói với ngài A-nan rằng, tánh nghe trùm hư không khắp pháp giới, mãi mãi không thay đổi, không bị âm thanh có không sanh diệt làm ô nhiễm.



Hỏi: Có vô lượng tâm sai biệt, làm sao buông được vô lượng vọng tưởng trong tâm?

Đáp:

Tâm vọng tưởng có nhiều vô lượng như thế, nhưng anh lại không biết. Anh thấy tâm mình lăng xăng liên tục không dừng, khi ấy chỉ cần một chuyển niệm thì vọng tưởng không còn. Khi không còn vọng tưởng, vậy tâm sai biệt có không? Vọng tưởng không có thì tâm sai biệt cũng không luôn.



Hỏi: Vọng tưởng và tâm là một hay hai?

Đáp:

Vọng tưởng ở trong tâm, anh có tâm mới có vọng tưởng, anh chuyển được tâm vọng tưởng thì tâm anh sẽ thanh tịnh, không còn vọng tưởng nữa. Lúc ấy, anh thấy tâm sai biệt cũng không có, đây chính là “một niệm thanh tịnh thì pháp thân hiển hiện”.

Pháp thân không có tướng là không, trong 12 thời anh sống với cái không này, đó là công phu bảo nhậm. Công phu bảo nhậm là miên mật liên tục không gián đoạn. Lâu ngày thuần thục, công phu không còn lui sụt, không cần dùng tâm bảo nhậm mà công phu bảo nhậm không lui sụt. Lúc ấy tuy giống như phàm phu, nhưng đã vượt khỏi tam giới, cũng chính là “tuy ở trong cõi sanh tử, mà đã ra khỏi sanh tử”.



Hỏi: Bài kệ này ý nghĩa thế nào?

Thiền sư Trường Sa nói:

Học đạo không biết được lẽ chân

Lỗi bởi xưa nay nhận thức thân.

Vô thủy kiếp giờ gốc sanh tử.

Kẻ ngu gọi đó bản lai nhân.

Đáp:

Người học đạo bước đầu không hiểu rõ chân lý Phật pháp, anh nghe thấy giảng hoặc xem kinh mà biết được chân lý, nhưng anh vẫn chưa khai ngộ. Anh biết được chân lý rồi mới chân lý, rồi tu. Bước đầu khi tu trí thức của anh còn yếu kém, còn sức tâm thức thì mạnh hơn, sức trí tuệ yếu kém đây là toàn chơn đều vọng, vì xưa nay là chơn tâm, nhưng hiện tại biến thành vọng tâm.

Đợi một thời gian anh dụng công phu đến chỗ tốt, lúc ấy sức trí tuệ mạnh mà tâm thức thì yếu. Ở lúc mới tu thì trí yếu thức mạnh, khi tu thành công rồi thì trí mạnh thức yếu, trí mạnh thức yếu chính là toàn vọng đều chơn. Bốn câu kệ thiền sư Trường Sa chính là ý này.

Ngài nói rằng:

Học đạo không biết được lẽ chân

Lỗi bởi xưa nay nhận thức thần.

Vô thủy kiếp giờ gốc sanh tử.

Kẻ ngu gọi đó bản lai nhân.

Bài kệ này nói rằng, anh chỉ biết dụng công tu hành mà không hiểu phương pháp tu hành, người ta nói với anh Phật pháp là tâm tánh, anh cũng tu tâm tánh, nhưng anh không biết tâm tánh là gì. Anh không biết cách tu, anh chấp nhận vọng tưởng này, hàng ngày làm việc gì cũng dùng toàn tâm vọng tưởng, trong 12 thời không rời tâm sanh tử, “chỉ vì xưa nay nhận thức thần”, anh nhận thức thần tức là nhận giấc làm con cho nên từ vô lượng kiếp đến giờ anh bị sanh tử không giải thoát được. Còn

người ngu cho thức thần là bản lai nhân nghĩa là nhận thức tánh cho là tâm thanh tịnh.

Giải thích bốn câu kệ trên là đối với người chưa khai ngộ, “toàn chơn đều vọng”. Nếu anh khai ngộ rồi thì không nói như thế mà nói rằng, “toàn vọng đều chơn”.

Toàn vọng đều chơn là sao?

Nghĩa là vọng tâm và chơn tâm hợp thành một tâm. Khi hợp thành một tâm, anh nói là vọng tâm nhưng mà chơn tâm làm chủ, anh nói là chơn tâm, nhưng mà vọng tâm làm việc, vọng tâm và chơn tâm biến thành một, trong đó không có vọng không có chơn, nhưng vọng và chơn đều ở trong ấy, làm việc là vọng, bất động là chơn.

Lục Tổ nói:

*Huệ Năng không tài khéo,
Chẳng đoạn trăm tư tưởng.
Đối cảnh tâm thường khởi,
Bồ-đề làm gì lớn.*

Hai câu “chẳng đoạn trăm tư tưởng”, “Bồ-đề làm gì lớn”, nghĩa là chơn và vọng không tách rời nhau, chơn tức là vọng, vọng tức là chơn, chơn vọng hợp thành một tâm, chứ không có hai tâm.

“Đối cảnh tâm thường khởi”, cũng chính là một tâm.

“Không đoạn trăm tư tưởng” cũng là một tâm.

Một tâm này anh nói là vọng hay chơn? Trung đạo! Phi vọng phi chơn, tức vọng tức chơn, chẳng rơi vào hai bên, đó là trung đạo.

Hàng ngày anh làm việc toàn là thức thần làm, trong 12 thời toàn là thức thần, trước sau đều như vậy, nhưng anh đã giải thoát, đây có phải là quái lạ không?

Bởi vì, trước đây toàn chơn đều vọng, sanh tử không có ngày cùng, bây giờ anh dụng công phu đến chỗ tốt, thức thần biến thành chơn tâm, đây là toàn vọng đều chơn.

Nếu anh không có thức thần, mà anh chỉ biết tâm thanh tịnh, đây là ngoại hành. Người ngoại hành chỉ biết tâm thanh tịnh mà họ không biết có thức thần.

Tâm thanh tịnh là cây đá, nó không thể động, đã không thể động, như vậy anh có tu thành Phật được không? Người tu thành Phật ở ngay thức tâm mà tu. Anh thuyết pháp là thức tâm thuyết, giảng kinh cũng là thức tâm giảng. Thức tâm là tâm sanh tử, vì sao hiện tại nó không sanh tử mà còn bảo mình thành Phật mới hay thuyết pháp giảng kinh, đây là đạo lý gì?

Bởi vì thức thần sẽ biến thành chơn tâm. Phàm phu toàn chơn đều vọng, chơn tâm theo thức thần đi sanh tử. Anh khai ngộ đạt được chân lý thì thức thần sẽ theo chơn tâm mà thành Phật, đây chính là toàn vọng đều chơn.

Ngày trước làm việc mà không biết tâm làm, tưởng là thông minh làm, khi đi trên đường anh cho rằng chân đi mà không biết thức thần đi, cầm món đồ mà không biết thức thần cầm, tưởng là tay mình cầm, khi nói không biết lời nói từ đâu ra, anh cho rằng miệng nói, thật ra đó là thức thần.

Tất cả việc làm của anh hoàn toàn là thức thần. Nếu anh biết đó là thức thần, mà thức thần tức là chơn tâm. Còn nếu anh không biết thức thần làm thì anh sẽ sanh tử trong tay thần thức, mãi mãi muôn đời anh nhảy không ra khỏi cái vòng này.

Nếu anh biết làm việc hoàn toàn là tâm làm thì thức thần sẽ đầu hàng, làm việc tuy là thức thần làm, nhưng nó sẽ biến thành chơn tâm. Cho nên thiền sư Vĩnh Minh Diên Thọ nói: “Núi sông và thế giới, đều lộ Pháp vương thân” Những vật này đều là thức thần biến hiện, đều là thân pháp vương. Nếu anh không biết chơn tâm thì núi sông thế giới đều là tâm sanh tử. Sự vi diệu này, người thông thường khó mà biết được.



Hỏi: Vì sao như thế?

Hôm qua nghe thầy nói đạo lý trên, sáng nay khi đi mua rau, trên đường đột nhiên có một chuyển niệm, mua rau là tâm mình mua chứ không phải cầm tiền mua. Nhưng rồi sau đó, cảm giác này không còn nữa.

Đáp:

Đây gọi là thức mạnh trí yếu, vì tâm vọng tưởng của anh quá mạnh, sức tâm thanh tịnh của anh không chống nổi tâm vọng tưởng. Đợi khi nào anh công phu tiến bộ, được lâu ngày anh nhận ra chơn tâm mình, trong tất cả thời đều là chơn tâm mình.

Như vậy, hằng ngày kiểm chế tâm thức không cho nổi dậy, thường nhớ chơn tâm, do đó chơn tâm mau sinh trưởng sức mạnh. Đợi chơn tâm có sức mạnh rồi, anh cần chuyển niệm công phu, một chuyển niệm là tâm thanh tịnh của mình, tâm thanh tịnh sẽ có sức mạnh.

Bây giờ sức tâm thanh tịnh của anh còn yếu, anh chuyển niệm làm sao tâm thanh tịnh của anh vẫn chưa vững, có lúc mất luôn, vì nó bị tâm thức lấn áp, tâm thức không cho nó hiện ra, vì sức tâm thức quá mạnh, cho nên chơn tâm bị đè ép không hiện ra được. Cũng có thể nói rằng tâm thức lợi dụng chơn tâm, và đè ép chơn tâm. Cho nên đức Phật nói con người vốn không có sanh tử, con người có sanh tử thật quá oan uổng, vì tâm thanh tịnh vốn không có sanh tử. Anh hoàn toàn bị thức thần đè ép mà theo thức thần đi, cho nên đức Phật nói “trái giác theo vọng”, hoặc “trái giác hợp trần”

Vì vậy người xưa thường nói: “Nếu thấy duyên tánh liền thoát duyên trói buộc”. Anh nắm được một chuyển niệm thì anh không còn quan hệ với duyên, như vậy hiện tại anh là thánh nhân.

Nhưng hiện tại anh theo duyên, vì anh cảm thấy mình thông minh, chẳng hạn nói rằng mọi người dù làm việc tốt hay xấu, muốn cần anh giúp đỡ, anh cảm thấy mình thông minh, anh sẽ đến giúp đỡ, anh nói rằng việc này phải làm như thế, anh làm như thế mới tốt. Nếu như ý kiến của anh được hoàn thành

thì tâm anh rất vui, như vậy tâm tánh của anh bị ô nhiễm, vì sự hoàn thành này là do tâm thức thông minh làm ra.

Tâm thức là thông minh, chơn tâm là trí tuệ. Anh cho mình thông minh thì anh sẽ theo duyên. Khi anh theo duyên, tâm thanh tịnh của anh bị ô nhiễm, bị ô nhiễm thì sẽ theo ô nhiễm sanh tử không có ngày cùng.

Nếu mọi người có làm việc gì cũng tốt, hoặc trong tâm anh nghĩ việc gì cũng tốt, tâm anh vừa chuyển niệm, trong tâm thanh tịnh của mình vốn không có những thứ ấy, hoàn toàn không có gì cả, đây chính là trí tuệ. Trí tuệ vừa xuất hiện, thì tâm thông minh và tâm thức của anh không có.

Bài kệ trên của thiền sư Trường Sa rất quan trọng, nhưng sự mầu nhiệm này rất là khó hiểu, vì bài kệ ấy nói rằng nếu anh nhận thần thức thì anh có sanh tử.



Hỏi: Khi khai ngộ rồi, làm việc có phải là thần thức không?

Đáp:

Cũng là thần thức, nhưng mà do tâm anh biến ra. Khi khai ngộ, trí tuệ của anh bỗng dưng mở ra, tâm thức của anh lúc trước bị đè ép, bây giờ khai ngộ rồi không còn bị đè ép nữa, cho nên nói là chuyển thân lớn.

Hỏi: Đây là bát thức chuyển thành tứ trí hay thức chuyển thành trí?

Đáp:

Bát thức chuyển thành tứ trí là hình dung khi khai ngộ rồi thì thức chuyển thành trí, nhưng đây không phải vị đạo mà anh hưởng thụ.

Hưởng thụ vị khai ngộ nghĩa là khoảng năm giây trước tâm anh thanh tịnh cảm thấy rất tốt, bỗng dưng khoảng năm giây sau anh biết tâm trước toàn là giả, là sai lầm, tâm này và tâm trước không giống nhau mà chỉ có cảm giác ấy thôi. Ở đây ý nói rằng khi anh chết rồi, bỗng dưng anh sống lại, chết rồi mà sống lại đây gọi là khai ngộ.

Phật pháp không có khác, nghĩa là chỉ muốn anh khai ngộ mà anh không khai ngộ. Anh nghe nói đạo lý này, anh thường tìm hiểu dụng công, sau đó anh sẽ biết đạo lý này, nhưng anh không biết lợi dụng thì anh không cách gì lợi dụng được, vì tâm thức anh quá mạnh. Như anh vừa mới nói, một chuyển niệm khi mua hoa, tất cả đều là tánh không, nhưng chuyển niệm tánh không không được lâu thì tánh không cũng không có.



Hỏi: Sao gọi là minh tâm kiến tánh?

Đáp:

Minh tâm vô tướng tức là minh tâm. Vì sao là vô tướng? Vì tâm chúng ta trùm hư không khắp pháp giới, trời đất muôn vật cho đến thân chúng sanh đều ở trong một tâm, chứ không ra ngoài một tâm.

Nếu chúng ta biết được trời đất muôn vật đều là tâm này chứ không phải có hai thứ, có nghĩa là dù thấy vật gì cũng là tâm này.

Kinh nói: “Tất cả pháp không thấy hai, đại đạo chóng hiện tiền.” Sự vật ngàn sai muôn khác đều có hình tướng như vậy có phải là tâm mình không?

Tướng có ngàn sai muôn khác. Nay là cái thấy của phàm phu, “phàm phu thấy có hai, người trí thấy không hai”. Nếu anh khai ngộ sẽ biết tất cả vạn vật đều là một tâm.

Tâm là không tướng, tướng mà không tướng mới là thật tướng, thật tướng xưa nay chính là không tướng. Tuy không tướng mà chẳng phải không tướng, nó có khả năng sanh ra tất cả muôn vật, cho nên muôn pháp chỉ do tâm. Muôn pháp chỉ do tâm thì thân chúng ta cũng từ tâm sanh ra. Nếu chúng ta hiểu được như thế, thì tất cả núi sông thế giới và muôn vật đều từ tâm mình sanh, đã là tâm sanh ra thì sẽ trở về một tâm.

Tâm tuy là không tướng, mà chính là thật tướng, tất cả vật đều từ tâm thật tướng không tướng này sanh ra, như vậy đó là minh tâm.

Kiến tánh là sao?

Kiến tánh, không thấy đó là kiến tánh.

Vì sao nói kiến tánh mà không thấy? Kiến tánh và minh tâm là như nhau. Bây giờ phân thành hai để giải thích, tuy phân ra để giải thích, nhưng chỉ là một. Tự tánh tức là tâm, tâm tức là tự tánh.

Bây giờ nói rằng kiến tánh mà không thấy là vì tự tánh và tâm là một, mà cũng không có hình tướng để thấy, cho nên nói kiến tánh mà không thấy. Nếu thấy được tự tánh, đó là có tướng, đều là vô thường, rốt cuộc trở về hoại diệt. Cho nên Kinh nói: “Cái gì có tướng đều là hư vọng”.

Bản tánh không có tướng, tự tánh và tâm là một, cho nên nói núi sông thế giới là thân Pháp vương, tất cả đều là tự tánh này.

Chúng ta thấy núi sông thế giới đều là có tướng, tuy có tướng, nhưng phải biết “sắc tức là không”, tất cả sắc tướng đều là không.

Vì sao nói như thế?

Kinh nói: “Sắc huyễn ắt trở về chơn không”. Mắt thấy, tai nghe tất cả sắc tướng thanh trần đều từ chơn không biến hiện ra, cho nên nói huyễn sắc ắt về chơn không, nhất định nó phải về chơn không. Đã về chơn không thì thân chúng ta và chơn không là một, cho nên nói thân tức là pháp thân.

Thân tuy có hủy diệt, có hủy diệt là do con mắt phàm phu thấy, bởi vì thân là do tứ đại giả hợp, đương nhiên

sẽ có hủy diệt. Nhưng nếu khai ngộ rồi, dùng con mắt ngộ để nhìn, thì thân này tức là pháp thân.

Vì sao?

Bởi vì thân chính là tánh không sanh ra, thấy mà chẳng thấy. Đã là tánh không sanh ra, thì tánh không không có hủy diệt, vậy thân làm gì có hủy diệt? Thân không có hủy diệt, cho nên nói núi sông thế giới đều là thân Pháp vương, tất cả không có hủy diệt.

Nếu không có hủy diệt, làm sao mắt thấy có hủy diệt?

Thấy có hủy diệt là phạm phu thấy có hai, phạm phu thấy giả tướng có hủy diệt, còn Phật tánh chơn thật thì không có hủy diệt.

Vì sao?

Bởi vì phạm phu phân thành hai thứ, còn thánh nhân chỉ thấy có một tướng, một tướng cũng không có, vậy làm gì có hai tướng? Đã có hai tướng, đó là có chơn có giả. Chơn thì mãi mãi thường trụ, còn giả thì mãi mãi có tạm thời.

Thấy mà không thấy, hoàn toàn là chơn. Cho nên cổ đức nói:

Các chim về núi không hai sắc,

Trăm sông về biển một vị thôi.

Hoàn toàn biến thành một, chứ không có hai. Đã là một, một còn không có, vậy làm gì có nhiều pháp khác nhau? Đã không có pháp khác nhau thì dù thấy cái gì nói là tâm cũng được, nói là tánh cũng được, tâm và tánh

gộp chung lại cũng được, núi là tâm tánh của mình, đất cũng là tâm tánh của mình, thân cũng là tâm tánh của mình, tất cả đều là tâm tánh. Cho nên đức Phật nói: “Tất cả pháp không thấy hai”. Như vậy anh không phải là thánh nhân sao? Làm gì còn có sanh tử?

Minh tâm không tướng, tướng mà không tướng tức là thật tướng.

Kiến tánh không thấy, thấy mà không thấy tức là Niết-bàn.



Hỏi: Tham thiền và Tịnh độ là một hay hai?

Đáp:

Phật pháp không có hai, không những nói tham thiền và Tịnh độ là một, mà dù cho việc gì cũng là một thứ không có hai.

Vì sao?

Bởi vì tham thiền là tu tâm tánh, vì sao phải tâm tánh? Thành Phật là tâm tánh, tất cả sanh tử không có ngày cùng cũng là tâm tánh, đều là một tâm tánh này. Nếu chúng ta hiểu rõ đạo lý này, thì đó là chúng ta tu tâm tánh.

Tâm tánh ở đâu?

Trùm hư không khắp pháp giới, chỗ nào cũng có. Trong nhà ngoài nhà này đều là Phật tánh, không có chỗ nào chẳng phải Phật tánh, Phật tánh chính là pháp

thân của mình, pháp thân của mình chính là Phật tánh. Không những trong nhà ngoài nhà mà trời đất khắp nơi đều là Phật tánh của mình, chứ không có vật gì khác.

Nếu anh muốn hiểu đạo lý này, trong 12 thời không có gì khác thì anh sẽ nhận ra tâm tánh. Tâm tánh chính là mình. Mình chính là tâm tánh.

Tại chỗ ngồi của các vị là một cái tâm, nghĩa là vật bên ngoài dù là người hay súc sanh hoặc thực vật thì cũng giống như quý vị, đều là một tâm này chứ không có hai. Anh hiểu rõ tâm này thì không sanh không diệt, còn như không hiểu tâm thì sanh tử không có ngày cùng. Ý nghĩa tham thiền là như thế.

Tu Tịnh độ là sao?

“Tự tánh Di-đà”, tâm tánh chính là Phật A-di-đà, ngoài tâm tánh không có Phật A-di-đà.

Tâm chính là thế giới Tây phương Cực lạc, ngoài tâm không có thế giới Tây phương Cực lạc. Bởi vì chúng sanh không hiểu đạo lý này, cho nên trong kinh nói rằng có thế giới Tây phương Cực lạc, ai biết niệm Phật khi bỏ thân này Phật A-di-đà sẽ tiếp dẫn về thế giới Tây phương Cực lạc.

Anh không hiểu Phật pháp, anh căn cứ trên kinh sách rồi ngày đêm niệm Phật, anh càng niệm trong tâm anh càng tưởng, mong chờ sau khi chết sanh về Tây phương. Như thế niệm ngày đêm được một thời gian lâu rồi, tâm anh biến thành thế giới Tây phương, tâm anh biến thành Phật A-di-đà. Nếu nói rộng ra thì rất nhiều, bây giờ tôi chỉ nói đơn giản thôi.

Đạo Trí hỏi: Nghe mà không nghe.

Trong quyển Mộng Du Tập của đại sư Hám Sơn có ghi, ngài ngồi thiền bên sông, lúc đầu nghe tiếng nước sông chảy rất lớn rồi sau đó không còn nghe nữa. Vì sao như thế?

Đáp:

Khi ngài mới ngồi thiền nghe thấy nước sông chảy rất lớn, là vì tâm ngài ở trên tiếng nước chảy, cho nên nghe tiếng nước chảy rất lớn. Sau đó ngài nhập định, tâm ở trong định. Ở trong định không phải không nghe, nhưng nghe như là không nghe, vì tánh nghe của ngài bất động, nghe mà không nghe, như vậy chỗ đó có âm thanh không?

Ở trong định, thấy mà không thấy, nghe mà không nghe, ăn mà không biết mùi vị, tất cả đều là một sắc, một tướng, một vị chứ không có hai.

Thánh nhân nhập định hoàn toàn chỉ là một tâm thanh tịnh, sáu căn thông nhau, thấy tức là nghe, nghe tức là thấy, thấy nghe cảm biết đều là một tâm chứ không có hai, nghe tức là thấy tức là ngửi tức là xúc, tất cả chỉ là một.

Phàm phu có sáu căn sáu trần, thánh nhân sáu căn là một căn, sáu trần là một trần, tất cả chỉ là một chứ không có hai. Đã là một lại thấy cái gì? Nếu không có thấy, như vậy có phải là cây đá không?

Ở đây ý nói rằng, cũng thấy nghe biết, tất cả đều có, tuy tất cả đều có, nhưng thấy mà không thấy, nghe mà không nghe.

Phàm phu thấy tất cả tùy thời phân biệt, phân biệt đẹp xấu, còn có thấy nghe cảm biết và yêu ghét lấy bỏ. Thánh nhân thấy tức là nghe, nghe tức là thấy, sáu căn thông nhau chỉ là một tâm.

Khi sáu căn thông nhau, thì dù cho thấy cái gì, thấy như là không thấy, tâm không có phân biệt, cho nên “Bát-nhã tuy không thấy mà thấy được Niết-bàn”, dù cho thấy cái gì cũng như là không thấy, nhưng các ngài thấy được Niết-bàn.

Niết-bàn là gì?

Niết-bàn là tâm không tịnh. Bát-nhã nghe mà không nghe, âm thanh mười phương đồng thời khởi, mười phương đồng thời nghe, dù cho âm thanh tám phương bốn phía cùng dấy lên, các ngài đều có thể nghe thấy.

Phàm phu ở trong nhà, lỗ tai chỉ nghe được âm thanh ở trong nhà, còn âm thanh bên ngoài không nghe được. Thánh nhân thì, giả sử âm thanh mười phương đồng thời đến, các ngài có thể đồng thời nghe âm thanh mười phương.

Vì sao? Vì tánh không trùm hư không khắp pháp giới, dù cho âm thanh ở đâu cũng ở trong tánh không. Cho nên mười phương đều đánh trống, đồng thời nghe mười phương, nhưng đây là tâm thanh tịnh nghe, chứ không phải là tâm thức nghe, tâm thanh tịnh không có phân biệt, cho nên nghe mà không nghe.

Hỏi: Bồ-tát Quan Âm mới được sáu căn thông nhau, còn người thông thường ở trong định sáu căn được thông nhau không?

Đáp:

Thánh nhân ở trong định được thần thông, phàm phu ở trong định không có thần thông. Phàm phu dù cho nhập định được hai ba giờ, quá hai ba giờ thì đau chân, sẽ muốn xuất định.

Phàm phu khi nhập định, chẳng qua đương lúc định tâm thức không có động, sẽ cảm thấy là định. Tâm thức tạm thời không có động, nhưng tâm thức vẫn có. Anh có thể khống chế tâm thức hai giờ không động, nhưng qua hai giờ tâm thức lại động, cho nên phải xuất định.

Thánh nhân định là thần thức định hay tự tánh định?

Thánh nhân thần thức và tự tánh hợp thành một tâm, còn phàm phu định là thần thức bị định khống chế.

Đại sư Hám Sơn khi nghe thấy nước chảy, lúc đó là tâm thần thức, đợi đến khi tâm thần thức vào định, thì không có thần thức, thần thức biến thành tâm không tịnh. Tâm không tịnh chính là thấy mà không thấy, nghe mà không nghe, mắt có thể thấy mười phương, tai có thể nghe mười phương, mười phương tức là một phương. Dù cho vị gì, lưới cũng biết được, tất cả đều biến thành một vị.

Sáu căn thông nhau, sáu căn thành một căn, biến thành một hư không lớn. Sáu trần là một trần, một căn bất động, vậy anh làm sao phân biệt?

Anh có sanh tử không? Các thiền sư đời xưa, ở trong định biết tiểu tiện mà không thấy có tiểu tiện vì tâm các ngài không có phân biệt, cho nên thấy nước chảy, thấy mà không thấy, đây hoàn toàn là Bát-nhã. “Bát-nhã không thấy mà thấy được Niết-bàn”. Con mắt Bát-nhã dù cho thấy cái gì cũng như là không thấy, vì tâm Bát-nhã thanh tịnh vô tướng, dù cho thấy cái gì cũng không có tâm phân biệt, cho nên cũng như không thấy. Đây gọi là “Bát-nhã không thấy”.

“Thấy được Niết-bàn”, Niết-bàn chính là tâm thanh tịnh không động ở ngay trước mắt. Đức Phật nói Bát-nhã 32 năm mới xong, vì sao phải nói lâu như thế? Nghĩa là đức Phật bảo anh khai mở trí tuệ. Không hiểu Bát-nhã, dù cho anh có ngồi trên pháp tòa nói ba tạng mười hai bộ kinh thao thao bất tuyệt, anh cũng là phàm phu thôĩ, không hiểu Phật pháp thì mãi mãi không thể giải thoát sanh tử.



Cư sĩ Trần Bình Chương hỏi: Phật là nghĩa thế nào?

Đáp:

Phật là tên khác của tánh, dù là Phật Thích-ca hay Phật nào đó, cũng là tên khác của tánh, cho nên nói kiến tánh thành Phật.

Nói về minh tâm kiến tánh, minh tâm không tương đó là minh tâm, kiến tánh không thấy đó là kiến tánh. Minh tâm nghĩa là hiểu rõ Phật pháp không có khác,

chính là tâm mình, tâm lại ở đâu? Tâm là không tướng, không tướng là tánh không.

Người ta hỏi anh, anh có thấy bản tánh không, anh nói thấy, tánh giống cái gì? Nếu tánh giống cái gì đó, thì toàn là giả. Tánh là không tướng, nó không giống cái gì, đó mới là chơn không. Cho nên nói “Kiến tánh không thấy”, nghĩa là kiến tánh không có thấy cái gì cả, đó mới là thật thấy, hề có thấy cái gì, đó là tà kiến, có tướng đều là hư vọng. Cho nên nói không tướng không thấy, không có vật gì cả.

Tuy không có vật gì, nhưng mình lại thấy được, mà người khác thấy không được, như người uống nước, nóng lạnh tự biết, chỉ có mình mới biết được.

Biết cái gì?

Biết một khối tánh không chính là Phật tánh của mình, đó là kiến tánh. Một khối tánh không thấy được rồi, thì trụ ở trong tánh không, tánh không chính là pháp thân của mình, như vậy là giải thoát sanh tử.

“Minh tâm không biết” tâm làm sao giải thích?

Trời đất muôn vật tất cả đều là tâm của anh, trời đất muôn vật đều là cái có tướng, đã là có tướng thì sẽ hủy diệt nhưng lại nói minh tâm thành Phật thì những tướng ấy có hủy diệt không?

Minh tâm không tướng cái gì có hủy diệt đều là tướng, nhưng trong tướng có cái chơn không mà chẳng không, nghĩa là có một cái tánh ở trong. Minh tâm không

tướng tức là biết rõ trong thân chúng ta có Phật tánh, Phật tánh là không.

Minh tâm không tướng là biết rõ tâm tánh không có tướng chứ không phải chỉ thân này. Trong thân có Phật tánh, nó là không tướng, cho nên nói: “Minh tâm không tướng”.

“Kiến tánh không thấy” và “minh tâm không tướng” là một, tâm tức là tánh, tánh tức là tâm. Phật pháp đơn giản như thế, không phải là chuyện khó làm.



Cư sĩ Trần Bình Chương hỏi: Làm thế nào tâm không phân biệt?

Đáp:

Ngôi thiên có định lực chính là không phân biệt. Dùng định lực để kiềm chế tâm vọng tưởng không động. Khi tâm vọng tưởng không động, thì tâm vọng tưởng tức là chơn atm, chơn tâm vốn không có động, vậy làm gì có phân biệt? Đây là nói với người ngu, còn người lợi căn thì không nói như thế.

Người lợi căn có phân biệt thế nào? Không phân biệt là tâm, phân biệt cũng là tâm. Cho nên Lục Tổ nói:

*Huệ Năng không tài khéo,
Chẳng đoạn trăm tư tưởng.
Đối cảnh tâm thường khởi,
Bồ-đề làm gì lớn.*

Ngài “Đối cảnh tâm thường khởi”, đây không phải là phân biệt sao? Nếu hoàn toàn không phân biệt thì anh đã thành cây đá rồi, ở đây lại có chỗ dùng như thế nào?

Tôi thường nói, luôn luôn nhận biết gà kêu chó sủa, gió thổi cây lay và tiếng nước chảy đều là Phật tánh của mình.

Anh sẽ khởi nghi vấn rằng, gà kêu có tiếng gà kêu, chó sủa có tiếng chó sủa, hai tiếng ấy không giống nhau, đây không phải là phân biệt sao? Ở đây ý nói rằng, gà kêu là tiếng gà kêu, chó sủa là tiếng chó sủa, lỗi tai có phân biệt mà tâm không có phân biệt.

Mắt thấy cũng như thế, mắt thấy là mắt phân biệt mà tâm không có phân biệt. Như hiện tại anh dùng mắt để thấy, thấy tôi là người già, còn anh là thanh niên, đó là mắt phân biệt, mắt phân biệt thì trong ruộng bát thức là thanh tịnh thì cái gì cũng có. Nếu tâm phân biệt, chính là tâm yêu ghét, trong ruộng bát thức sẽ gieo hạt giống yêu ghét, còn nếu tâm không phân biệt, mắt thấy như dao chặt nước, như chim bay trên hư không, dao vừa rút lên, nước có dấu vết gì không? Không có dấu vết gì cả. Mắt phân biệt, tai phân biệt, mà tâm không phân biệt đó mới là khéo phân biệt.

Lục Tổ nói: “Đối cảnh tâm thường khởi”, nghĩa là khéo phân biệt. Nếu hoàn toàn không có phân biệt thì tà đạo sẽ trở thành Phật đạo.

Khi mới tu, tâm động chính là tâm vọng tưởng, là tâm sanh tử, tâm không động là tâm thanh tịnh. Nếu

tu đến cảnh giới Bồ-tát, tâm lặng lẽ là chơn tâm thanh tịnh. Khi tâm động mà phân biệt tất cả sự vật, cũng là chơn tâm thanh tịnh chứ không phải vọng tưởng, nó hoàn toàn là tâm thanh tịnh.

Lúc cần phải động thì cứ động, nếu cần động mà không động thì đối tất cả việc không phân biệt, thật giả đều không biết, như vậy sẽ trở thành ngu si. Nhất định vẫn phải có phân biệt, thấy ngoại đạo là ngoại đạo, Phật đạo là Phật đạo. Lục Tổ nói: “Đối cảnh tâm thường khởi”, như vậy không phải là phân biệt sao? Nhưng tâm phân biệt của bậc đại Bồ-tát cũng là chơn tâm. Cho nên, ở nơi chơn là chơn, ở nơi vọng là vọng. Khi chứng được chơn thì tất cả đều là chơn tâm, chứng được chơn tâm, thì tất cả đều là vọng tâm.



Đạo Minh hỏi: Sao gọi là “thức nương duyên sanh, duyên sanh muôn pháp”?

Đáp:

Thức là thức thần, là thức thứ bảy, nó vọng tưởng lăng xăng không dừng một sát _ na. Nó nghĩ ra một biện pháp chính là nhân, nghĩ xong liền làm, đó là duyên, có nhân và duyên hợp tác với nhau.

Vì sao?

Bởi vì có nhân nghĩ để làm, thì hành động là duyên. Phật tánh của chúng ta trùm hư không khắp pháp giới,

chỗ nào cũng có, dù cho trời Tam Thập Tam có cao tới đâu, địa ngục có sâu thế nào, cũng không ngoài Phật tánh. Cho nên vọng tâm của anh vừa động, dù ở lúc nào, nơi đâu, cũng ở trong Phật tánh.

Do đó, vọng tâm vừa động thì sẽ cùng với Phật tánh thành chơn vọng hòa hợp, vì Phật tánh của chúng ta không cần tìm, tùy lúc tùy nơi mà có.

Nếu vọng tâm không động, thì mọi việc không có, vọng tâm vừa động chính là tâm thức, tâm thức và Phật tánh hợp tác với nhau, đây gọi là chơn vọng hòa hợp. Chơn vọng hòa hợp sẽ sanh ra một pháp, pháp này lại sanh ra pháp khác, càng sanh càng nhiều và trở thành muôn pháp.

Thí dụ, tâm động niệm làm ngôi nhà này, đây là nhân, do đó liền thiết kế tìm nhân công để làm, đây là duyên, ngôi nhà làm thành xong, đó là một pháp. Một pháp này thành công rồi, liền nghĩ làm điện Phật thế nào, làm nhà khách ra sao, như thế càng nghĩ càng nhiều. Đây chính là thức nương duyên sanh.



Hỏi : Duyên là gì?

Đáp:

Tất cả động tác đều là duyên khởi, nhân nghĩa là tâm thức vọng tưởng vừa nghĩ xong thì muốn làm, làm đó là duyên.

Khởi vọng tưởng kế hoạch đó là thức thứ bảy, nhưng thức thứ bảy chỉ nghĩ kế hoạch sự việc chứ không có cách gì làm được, nó phải nhờ Phật tánh mới có thể làm thành công.



Hỏi: “Tâm sanh muôn pháp, muôn pháp về một”, là thế nào?

Đáp:

Phật và Bồ-tát nói với chúng sanh rằng: “Tâm sanh muôn pháp, muôn pháp về tâm”.

Tất cả trời đất muôn vật chính là muôn pháp, muôn pháp này do tâm sanh ra, chúng sanh bị sanh tử là do muôn pháp này, tâm anh biến thành cái vô thường sanh tử, anh sẽ theo sự vô thường này mà sanh tử không có ngày cùng. Như vậy phải làm sao?

Các ngài lại nói với anh rằng: “Muôn pháp trở về tâm”, anh nên biết rằng muôn pháp là tâm anh biến hiện. Cho nên đức Phật nói: “Tất cả pháp không pháp nào chẳng từ pháp giới này lưu xuất, tất cả pháp không pháp nào chẳng về pháp giới này.

Pháp giới chính là tâm, tất cả pháp đều từ pháp giới này lưu xuất. “Tất cả pháp không có pháp nào chẳng về pháp giới này”, vì mọi người đều có Phật tánh.

Nếu anh hiểu rõ đạo lý này, thì Phật tánh sẽ không theo duyên, không theo duyên thì sẽ trở về, như vậy là giải thoát sanh tử.

Cổ đức nói: “Nếu thấy duyên tánh liền thoát khỏi duyên trôi buộc”. Nếu anh biết rõ tất cả vật đều từ tâm mình sanh, đó gọi là thấy duyên tánh. Duyên tánh tức là Phật tánh, Phật tánh tức là pháp thân của mình.

Tâm mình theo duyên¹ đi sanh tử không có ngày cùng, duyên sanh duyên diệt hoàn toàn là tâm mình, vì tâm mình không làm chủ mới theo duyên.

Vì sao theo duyên? Nghĩa là tâm theo thức thứ bảy đi, thức thứ bảy bảo anh niệm Phật, anh sẽ niệm Phật, bảo anh giết người, anh sẽ giết người, gặp duyên nhiễm sẽ tạo nghiệp nhiễm, gặp duyên tranh sẽ tạo nghiệp tranh, tâm anh theo thức thứ bảy đi tạo các thứ nghiệp nhiễm tịnh. “Nếu thấy duyên tánh” anh sẽ hiểu rõ đạo lý này, dù cho thấy cảnh giới gì, thấy tốt tâm không mừng, thấy xấu tâm không giận, như vậy tâm sẽ không theo duyên. Khi không theo duyên anh sẽ thoát khỏi sự quan hệ của duyên. Thoát khỏi sự quan hệ của duyên thì anh sẽ biết rõ duyên tánh chính là bản tánh mình. Anh không theo cảnh chuyển, duyên tánh sẽ trở về, anh đã thấy được duyên tánh, lúc ấy anh sẽ giải thoát sanh tử.

Phàm phu không hiểu rõ đạo lý này, hoàn toàn bị cảnh chuyển, thấy cảnh tốt thì thích, thấy cảnh xấu thì ghét. Có tâm thích, là gieo hạt giống thích vào trong ruộng bát thức, anh sẽ theo thích mà đi thọ sanh, như thế anh sẽ mãi mãi muôn đời sanh tử không có ngày cùng.

Nếu tâm anh không theo cảnh chuyển thì trong ruộng bát thức sẽ thanh tịnh không có hạt giống. Thanh tịnh chính là tánh không, tánh không không

có gì cả, sau khi chết anh sẽ là tánh không. Tánh không chính là pháp thân, cũng chính là Phật tánh của mình, Phật tánh không có sanh tử, đây không phải là giải thoát sao?

“Thức theo duyên sanh, duyên sanh muôn pháp” viên dung muôn pháp nghĩa là “tâm theo cảnh chuyển, cảnh theo tâm sanh”. Tâm theo cảnh chuyển là phàm phu, là sanh tử, tâm chuyển được cảnh là giải thoát sanh tử, chuyển đến chuyển đi không có ngày cùng, tất cả đều là sanh tử.

Lúc ấy, có khả năng “một niệm duyên khởi không sanh, vượt lên Tam thừa quyền học”, trong tâm bỗng dung có một chuyển niệm, tâm sẽ không theo cảnh chuyển. Như vậy một niệm duyên khởi không sanh sẽ vượt qua Thanh văn thừa, Bích-chi Phật thừa, quyền giáo Bồ-tát thừa. Đây chính là Bồ-tát đẳng giác, cho nên uy lực của Thiền tông không thể nghĩ bàn.



Hỏi: Chuyển niệm có công đức gì không?

Đáp:

Chuyển niệm công đức rất lớn, một chuyển niệm của anh, một niệm muôn năm. Một niệm thiện, chính là một muôn năm tu nghiệp thiện, một niệm ác, là một muôn năm tu nghiệp ác. Nếu một ngày anh có một chuyển niệm thì thấy Phật tánh một lần, có năm chuyển niệm thì thấy Phật tánh năm lần. Ngày nào anh cũng làm

như thế, sẽ không rơi vào đường ác, cho nên công đức chuyển niệm không thể nghĩ bàn.

Nếu anh thường có chuyển niệm, chuyển niệm thuần thực rồi, anh không cần chuyển niệm nữa, tự mình sẽ chuyển niệm.

Hàng ngày thấy Phật tánh, lúc nào cũng sống với Phật tánh. Nếu bước đầu tu chuyển niệm, đương nhiên anh nắm không vững, chuyển niệm này không thấy tánh mà chỉ là kiểm chế tâm thôi.



Hỏi: Nếu công phu tốt rồi, chuyển niệm được thấy tánh không?

Đáp:

Chuyển niệm chính là kiến tánh, nếu không phải kiến tánh, vậy niệm là gì? Chẳng hạn nói rằng, anh biết năm uẩn đều không chính là Phật tánh, dù cho anh gặp cảnh gì tâm cũng sẽ chuyển niệm: “Hết thấy trở về không”. Đã là không, chẳng phải thấy được tánh không sao?



Hỏi: Chuyển niệm là chuyển thành tánh không?

Đáp:

Chuyển niệm là sao?

Chẳng hạn nói rằng, mình nghe giảng năm uẩn đều không, không này chính là Phật tánh của mình, tâm

anh biết rằng năm uẩn đều không chính là Phật tánh của mình. Biết không là Phật tánh của mình, đó là chuyển niệm.

Nếu anh biết năm uẩn đều không là Phật tánh của mình, đó là anh đã chuyển niệm. Nếu chẳng được như thế, anh cố gắng kiềm chế năm uẩn đều không, không là Phật tánh của mình, chuyển niệm như thế được thành thực rồi, tâm anh không cần nghĩ năm uẩn đều là không nữa, mà bỗng dưng năm uẩn đều không chính là Phật tánh.

Khi chuyển niệm thuần thực rồi, anh không cần nhớ nó nữa mà nó tự nhiên đến. Đây chính là “không niệm mà niệm, niệm mà không niệm”, cũng có nghĩa là “không tu mà tu, tu mà không tu”, không tu mà tu, gọi đó là thật tu.

Hằng ngày anh chuyển niệm một lần thì anh sẽ thấy pháp thân một lần. Nếu như anh chuyển niệm được lâu dài, thấy năm uẩn là không, không lúc nào rời tâm thì Phật tánh sẽ hiện tiền. Tâm anh là Phật tánh, Phật tánh chính là tánh không, tánh không chính là pháp thân của anh.

Khi chúng ta tu hành, tuy biết tánh không nhưng chưa chứng được tánh không, do vì không chứng được tánh không, cho nên sau khi chết, chúng ta không sống được tánh không. Bởi vì lúc sắp chết thân thể đau đớn, khi ấy không thể chuyển niệm được, cho nên không làm chủ mình được. Tuy không làm chủ được mình, nhưng vì trước đó không thọ khổ, có được những lần chuyển niệm, mà biết được đạo lý này.

Khi sắp chết không có khả năng chuyển niệm, mặc dù đã rơi xuống địa ngục, nhưng có lúc tâm cũng thanh tịnh, bất chợt tâm chuyển niệm “xưa nay chính là tánh không, thì làm gì có địa ngục hay không có địa ngục?” Như vậy, một chuyển niệm tánh không thì địa ngục vỡ tan không còn. Cho nên công đức chuyển niệm rất lớn. Người tu tại gia, tu chuyển niệm là phương pháp tốt nhất.



Cư sĩ Giang Quốc Tạc hỏi: Cư sĩ tại gia rất nhiều việc phải làm, như vậy làm sao tu Phật pháp?

Đáp:

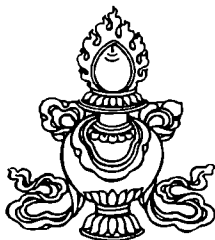
Dù cho làm việc gì, anh cũng biết rõ hoàn toàn là tâm mình làm. Dù cho anh nghĩ, làm việc gì, nghĩ là tâm vọng tưởng, nhưng khi làm tâm anh biết rõ là tâm mình làm, tâm ấy vẫn là tâm vọng tưởng, tất cả đều là vọng tưởng. Anh nên làm như thế, đó chính là toàn vọng đều chơn, vọng tâm hoàn toàn biến thành chơn tâm.

“Tất cả pháp không thấy hai”, tuy lúc không thấy hai mà vẫn toàn là tâm vọng tưởng. Anh thấy không hai, thì tâm vọng tưởng biến thành chơn tâm, đây chính là sự vi diệu.

Khi làm việc, tuy làm được vuông tròn, nếu như không biết tâm mình làm, vì tâm anh toàn là vọng, đây gọi là trí yếu thức mạnh, trí hoàn toàn đi theo thần thức, toàn chơn đều vọng, chơn tâm biến thành tâm sanh tử,

vì anh không biết của báu cho nên chơn biến thành giả. Nếu biết được tất cả việc đều là tâm mình làm chứ không phải thân, anh biết rõ tâm mình, đây chính là trí mạnh thức yếu, toàn vọng đều chơn, vọng tâm biến thành chơn tâm.

Nói thêm một bước nữa, chính mình phải chuyển niệm, tự mình hỏi lại mình, việc đã làm là tâm mình, vậy tâm mình ở đâu? Anh đặt câu hỏi như thế, tâm anh sẽ ở trong hư không. Anh thấy thêm một bước nữa, hư không này là pháp thân của mình. Nếu biết được đạo lý này thì tu rất là dễ.





VẤN ĐÁP VỀ Ý NGHĨA THIỀN ĐỊNH.

Hỏi: Từ lúc bắt đầu ngồi thiền quán tâm cho đến lúc kết thúc có chia ra mấy giai đoạn?

Đáp:

Khi ngồi thiền cố gắng kiểm chế tâm, trong 12 thời không có chia ngày đêm, đi đứng nằm ngồi gì cũng vậy, tâm không rời tâm, không để cho nó động.

Anh nhìn tâm anh, càng nhìn càng thấy nhơ nhớp, rồi sau đó có khi tâm sẽ thanh tịnh, nhưng anh không nên có cảm giác được thanh tịnh, cứ việc nhìn nó, nó thanh tịnh cũng tốt, không thanh tịnh cũng tốt, giữ công phu liên tục không gián đoạn và vẫn tiếp tục nhìn. Bất chợt vọng tưởng dấy lên dữ dội, tâm rối loạn lung tung làm cho anh ngày đêm bất an. Nhưng không nên quan tâm đến nó mà chỉ nhìn nó thôi. Đợi khi tự tung tự tác rồi, anh nhìn nó không được, thậm chí ngồi ở đâu cũng không ngồi được, tâm anh rối loạn rất là bất an. Nên biết đây là hiện tượng không tốt, người không biết, đến chỗ này sẽ buông bỏ không nhìn nữa.

Người xưa nói, đây là chủng tử tập khí nhiều đời của anh, nó từ trong tâm anh mà bộc phát ra. Sự bộc phát này không lâu, anh nên cố gắng nhẫn nại. Nếu thật

tình nó làm cho anh bất an thì anh tạm nghỉ ngơi một chút, khi nó yên rồi, anh lại nhìn tiếp.

Tâm vọng tưởng là tâm sanh tử, còn tâm thanh tịnh – Phật tánh của chúng ta không phải tâm sanh tử ấy. Nhưng tâm thanh tịnh ở ngay trong tâm vọng tưởng, bước đầu anh hãy nhìn tâm vọng tưởng này. Khi nào tâm vọng tưởng không còn thì bản thể sẽ hiện ra, bản thể ấy là không, không có tướng.

Khi định lực của anh tốt rồi, anh lại nghe người ta nói rằng tâm còn có cái biết, phải có định lực nữa anh mới biết đó là chơn tâm. Mặc dù là chơn tâm của anh, nhưng anh không nên mừng, vẫn phải cố gắng nhìn, cố gắng chừng nào nắm chắc được cái không ấy mới thôi.

Bước đầu tuy thấy nó là không, nhưng cái không mờ mờ chưa được sáng suốt, đây là giai đoạn thứ nhất, anh đã thấy được bản tánh rồi đó. Tuy thấy được, nhưng đó là giả thấy, chẳng qua để cho anh biết được con đường đi của mình không lầm.

Anh nên khéo dụng công tiếp tục nhìn, càng nhìn nó càng sáng, cái không cũng càng nhìn càng xa, lúc bấy giờ dần dần nó biến thành hư không, đây là giai đoạn thứ hai.

Giai đoạn thứ ba nó sẽ phóng quang càng nhìn cái không càng lớn, cái không này không có bờ mé, chỉ là một khối sáng suốt, đây là giai đoạn thứ ba.

Đến giai đoạn thứ tư, hoàn toàn không có gì cả, cái không cũng không có, ánh sáng cũng không luôn. Nếu

như anh không biết, khi ấy anh tưởng là ma. Còn như anh hiểu được, không thấy là chánh kiến, chơn không mà chẳng không, càng nhìn được như thế đó là minh tâm kiến tánh, nghĩa là thấy được bản tánh của anh, lúc này thấy tất cả mà cũng như không thấy, đó là bản tánh, minh tâm kiến tánh là như thế.



Hỏi: Giai đoạn sau cùng, không có thấy ánh sáng cũng không có thấy cái không?

Đáp:

Hoàn toàn không thấy gì cả, một khối ánh sáng, ánh sáng chính là bản tánh của anh, ánh sáng chính là anh, anh không có gì phải thấy hay chẳng thấy, lâu nay anh ở trong ánh sáng anh còn thấy cái gì? Có hai cái anh mới thấy được, khi chứng được tánh không thì chỉ có một tánh không, anh thấy cái gì nữa? Anh chính là không, anh lại đi đâu tìm không?



Hỏi: Được như thế thì tâm tâm tương ứng, có phải như Lục Tổ Đàn Kinh nói luôn luôn không rời tự tánh?

Đáp:

Trong 12 thời không rời tự tánh. Tự tánh trùm hư không khắp pháp giới, mà không có gì cả. Người

ta đến anh cầu pháp, hỏi anh tự tánh ở đâu, anh nói ở đâu? Hư không này là trí tuệ của anh, trí tuệ của anh hoàn toàn ở trong hư không, cho nên cả ngày lẫn đêm miệng thuyết pháp thao thao bất tuyệt mà không bao giờ nói hết..

Tự tánh này khi nào không cần thì không có, khi cần dùng thì vô cùng vô tận, Phật tánh là như thế. Nếu anh nói có Phật tánh, nó không ở trong ở ngoài ở khoảng giữa, còn nếu nói nó không có, nó lại không sanh không diệt.



Hỏi: Dựa vào căn khí cao thấp khác nhau của mỗi người mà tu định cũng có nhiều pháp tu khác nhau?

Đáp:

Đại khái có ba loại.

1/ Có những vị Bồ-tát tái lai như Lục Tổ, ngài không cần sức tu định. Ngài vừa nghe Phật pháp, không những một nghe ngàn ngộ, mà ngài còn thông suốt tất cả Phật pháp, cho nên ngài không cần đức tu định.

Những chúng sanh như chúng ta, dù cho anh căn cơ bén nhạy như thế nào cũng không thể sánh với ngài được. Sở dĩ nói với anh không cần sức tu định là vì Phật pháp vốn đã định, anh lại cần tu định nữa sao? Cho nên không cần tu.

Lục Tổ nói:

Sanh ra ngồi chẳng nằm,

Chết đi nằm chẳng ngồi.

Đó là bộ xương thú,

Lập công khóa làm gì?

Ngài quả trách những người ngồi thiền tu định. Vì định lực vốn đã có, tánh không chính là định, định lực chính là tánh không, tánh không mỗi người đều sẵn đủ, cứ sao trên đầu đặt thêm đầu mà còn muốn ngồi thiền tu định? Không cần tu. Nhưng chỉ có ngài Huệ Năng mới nói như thế, vì ngài không cần tu định. Còn chúng ta là phàm phu, không tu định không nhờ định lực thì không thể được.

Vì vậy, đức Phật thấy chúng ta không được như thế, cho nên cần phải ngồi thiền tu định. Đức Phật nói tam vô lậu học – giới định huệ – để người sau biết nương theo phương pháp ấy mà tu định.

Giới đối với bên tăng gồm có 250 giới, đối với bên ni gồm có 348 giới, giới này chính là chế ngự vọng tưởng, tu định lực cần phải tu giới này. Khi vọng tưởng không có thì sẽ được định lực, định lực sẽ khai mở trí tuệ, nhân giới sanh định, nhân định phát tuệ, đó là tam vô lậu học.

2/ Những bậc thượng căn lợi trí có thể nói là những người tái lai. Đã đồng là người tái lai, nhưng vì sao không giống như Lục Tổ? Bởi vì đời trước của họ, trình độ tu hành chưa bằng Lục Tổ, cho nên đời nay tuy tái

lai, nhưng so với Lục Tổ vẫn là kém hơn. Tuy so với Lục Tổ kém hơn, nhưng họ cũng có một nghe ngàn ngộ.

Người thượng căn thượng trí tuy đời trước nghe pháp đời này được ngộ pháp, nhưng tập khí đời trước của họ vẫn còn mang đến đời nay. Cho nên tuy được một nghe ngàn ngộ, nhưng vẫn còn tập khí, họ cần phải tu để dẹp trừ tập khí, vì vậy họ không tu giới định tuệ thì không thể được.

Tu giới định tuệ khai mở trí tuệ, trí tuệ này có thấu tột không? Nếu căn cơ của họ là người thượng căn lợi trí, cũng có thể triệt ngộ. Nhưng Phật pháp sâu như biển chỉ có Phật với Phật mới thấu tột được, cho nên họ có thể vẫn không thấu triệt được. Đã không thấu triệt, tuy khai ngộ, mà chỉ gọi là “phá bản tham”, chứ chưa phải đại triệt đại ngộ.

Nếu chỉ là phá bản tham, thì tập khí nhiều đời nhiều kiếp của họ vẫn chưa dứt trừ được, vì vậy họ cần phải tái lai để “phá trùng quan”.

Sau khi phá bản tham rồi, tâm vọng tưởng vẫn chưa dứt. Cho nên đức Phật nói: “Lý tuy đón ngộ, sự cầu tiệt trừ”.

Khi khai ngộ phá bản tham rồi, tuy biết đạo lý Phật pháp, nhưng vọng tưởng vẫn còn. Cho nên cần phải tu định. Tu định có nghĩa là đóng cửa dứt hết các duyên bên ngoài, đó gọi là bế quan. Nếu không có người cúng dường hộ quan (hộ thất) thì sẽ trụ nơi mao phùng (ở nơi cỏ tranh đồng hoang).

Các duyên bên ngoài đều dứt hết, và cũng dứt sạch các vọng tưởng. Vọng tưởng vừa dứt sạch thì phá được trùng quan, trùng quan phá xong thì sẽ tới đỉnh, lúc ấy thiên hạ được thái bình. Nếu anh cho rằng phá trùng quan rồi mà vẫn không tới đỉnh, thì anh phải tu “phá lao quan”.

Hôm nay tôi nói với anh không cần phá lao quan, vì phá bản tham thì sẽ minh minh tâm kiến tánh, kế đến phá trùng quan dẹp trừ vọng tưởng rồi thì tâm sẽ thanh tịnh, tâm thanh tịnh là Phật tánh. Nếu anh phá lao quan, cuối cùng không rời bước đầu, anh nên phá bản tham, chứ đâu cần phá lao quan? Cho nên lần khai ngộ đầu phá bản tham là minh tâm kiến tánh, phá trùng quan vẫn là minh tâm kiến tánh, phá lao quan vẫn là minh tâm kiến tánh, dọc ngang chỉ là một tâm chứ không có hai.

Nhưng có những người không phá bản tham mà lại bế quan, họ không biết phá bản tham rồi mới được bế quan, sau khi bế quan rồi mới được khai ngộ, do đó mới bế quan.

Họ ở trong phòng tu cái gì? Vì họ không biết đạo lý Phật pháp, họ mới hỏ đồ bế quan, họ ở trong phòng tu mù luyện mù, vì họ không biết đi đường chánh là thế nào? Đã không biết mà còn khổ hạnh, khổ hạnh chỉ là tu mù luyện mù. Khổ công tu mà không biết đạo lý Phật pháp, thì càng tu càng xa đạo, càng xa thì càng khởi phiền não, tâm càng phiền não thì càng nôn nóng, càng nôn nóng thì phiền não càng nặng. Cho nên bế

quan khoảng ba năm, người nhẹ thì bị thần kinh người nặng thì tự sát.

Lại có một hạng người, tuy cũng cố gắng tu, nhưng hoàn toàn không biết Phật pháp là gì cả. Cái bệnh của hạng người thứ hai này ở chỗ nào? Đâu có gì lạ, chính vì họ không phá bản tham, Không liễu đạt Phật tánh. Không liễu đạt Phật tánh thì chỉ là tu mù luyện mù.

Người ta phá bản tham rồi mới bế quan để chế ngự tâm, vì khi khai ngộ minh tâm kiến tánh, nhưng vọng tưởng vẫn lằng xằng, sức tâm thanh tịnh còn yếu không thể làm chủ được, cho nên bế quan chế ngự tâm để tăng trưởng sức tâm thanh tịnh, đợi vọng tưởng lặng rồi, thì bát thức chuyển tứ trí tới đỉnh. Vì tâm vọng tưởng chính là thức thứ sáu, khi bát thức chuyển thành tứ trí thì thức thứ sáu chuyển thành diệu quan sát trí. Diệu quan sát trí thấy tất cả vật như là không thấy, không thấy mà thấy, hoàn toàn chỉ là diệu quan sát trí. Diệu quan sát trí thấy tất cả cảnh mà không có phân biệt, đây sẽ biến thành tâm bình đẳng.

3/ Hạng người căn cơ độn như chúng ta, không giống như hai hạng người thượng căn lợi trí ở trên, chỉ khéo nhờ ngôi thiền để bồi dưỡng định lực.

Ngôi thiền để làm gì? Để chế ngự tâm. Khi tư thế ngồi tốt rồi, bước đầu chỉ cái tâm trong ngực _ nhục đoàn tâm. Nhục đoàn tâm là cái vô tri, con người khi chết rồi thì nhục đoàn tâm sẽ thối nát, nhưng bước đầu không dùng nó thì không được. Vì người tu hành là chế ngự tâm vọng tưởng, trong tâm vọng tưởng có tâm

thanh tịnh, tâm thanh tịnh của chúng ta đừng ở trong nhục đoàn tâm. Bây giờ chúng ta nhìn thấy nhục đoàn tâm, trên thực tế không phải thấy nhục đoàn tâm mà là mượn giả để tu chơn. Thấy nhục đoàn tâm chính là thấy tâm thanh tịnh, vì tâm thanh tịnh ở trong nhục đoàn tâm.

,

Vì vậy, phương pháp tu ban đầu muốn tìm được tâm thanh tịnh thì trước tiên phải thấy nhục đoàn tâm, vì bước đầu anh không cách gì thấy tâm thanh tịnh được.

Cái tâm trong ngực của anh giống như một ngôi nhà, tâm thanh tịnh thành Phật thành Tổ cũng ở trong ấy. Bây giờ muốn tìm được tâm thanh tịnh, cần phải đập phá ngôi nhà, cửa mở ra thì tâm thanh tịnh mới hiện. Tâm thanh tịnh không hình không tướng cũng chính là Phật tánh.

Tâm thanh tịnh xuất hiện ở đâu? Tâm thanh tịnh không có tướng, anh hiểu như thế đó là tâm thanh tịnh của anh.

Ban đầu, khi anh không biết, anh thấy tâm mình rộng không anh cảm giác như là không có, anh sẽ sợ hãi không dám tu. Bây giờ tôi sẽ nói cho anh biết rằng, anh tu đến trình độ ấy, không những anh không sợ mà còn vui nữa, đây chính là tâm thanh tịnh của anh. Tâm thanh tịnh không tướng nhìn không thấy, nhìn không thấy mới là thật thấy, đây mới chính là của báu chơn thật của anh.

Khi anh biết của báu này rồi, anh không cần buông bỏ gì cả, mà anh phải dùng định lực để nắm chắc nó,

không cho nó rời anh. Anh cố định lực nắm chắc nó, khi định lực mạnh nó sẽ không còn lui sụt, mà nó bị định lực của anh giữ chặt lại. Nếu anh không có định lực, tuy hiện tại anh thấy được tánh không, vì nó vốn là không, mà anh nắm nó không được thì anh không có định lực, tâm này lại biến thành tâm vọng tưởng, tâm vọng tưởng sẽ dấy khởi liên tục.

Vì sao không có định lực, tâm vọng tưởng lại dấy khởi? Vì anh không dẹp trừ tâm vọng tưởng, chẳng qua nó bị anh dùng định lực ức chế, định lực không đủ, thì nó lại dấy khởi. Cho nên khi bất thức không chuyển thành tứ trí, anh phải cố gắng dùng định lực, nghĩa là anh hãy nhìn tâm mình, càng nhìn tâm tánh sức mạnh càng tăng trưởng, cảnh giới đen tối sẽ biến thành một ánh sáng vi diệu. Anh tiếp tục dụng công nữa, cố gắng nhìn ánh sáng này, ánh sáng này càng thêm sáng.

Nếu anh ở trong ánh sáng, anh biết rõ đây là của báu mà nhìn không thấy, anh cố gắng dùng định lực để nhìn ánh sáng này, đó gọi là định tuệ đồng tu. Anh càng nhìn càng sáng, đây chính là trí tuệ của anh, càng nhìn ánh sáng càng lớn. Đó là giai đoạn thứ hai.

Đến giai đoạn thứ ba là muôn dặm không mây muôn dặm trời, mắt nhìn không thấy có bờ mé, muôn dặm trời không thì ánh sáng tỏ chiếu. Nhưng lúc ấy công phu chế ngự tâm vẫn có, cho nên tuy tâm ánh sáng suốt mà tâm ấy không được thanh tịnh lắm, chưa đạt đến cảnh giới tối cao.

Đến giai đoạn thứ tư, tâm rỗng không không có gì cả, chỉ có Bát-nhã tánh không, không cần chế ngự tâm nữa, chỉ có tánh không mà nhìn không thấy. Tánh không chỉ biết mà thôi, nhưng anh không nên chấp thấy hay chẳng thấy. Ngay cả tánh không cũng không có, tâm chế ngự cũng không có luôn, vì có tâm mới có chế ngự, bây giờ không tâm thì làm gì có chế ngự?

Cái không không có, chính là tánh không, dường như có dường như không, đến lúc ấy tánh cũng không có. Anh muốn thấy không, không cũng không. Cái không không có, chính là chơn không, nếu có cái không để thấy, thì không phải là chơn không.

Chơn không này có phải là không có chăng? Có chơn không, chơn không chẳng phải không, chẳng phải đoạn diệt, nó có mà không có, không có mà có, đó mới là thật có.

Tánh cũng không có, tánh là thật tướng của chơn không, thật tướng không tướng, tuy là thật tướng mà chỉ có mình biết thôi, anh ngộ được cảnh giới này thì anh sẽ biết, người khác không thể biết được. Vì nó không có tướng, người khác nhìn không thấy, chính anh nhìn cũng không thấy, mà chỉ có biết mà thôi. Ngồi thiền quán tâm như thế là tới đỉnh.

Phàm phu chúng ta dụng công phân thành bốn giai đoạn này. Bước đầu tu dùng định lực, mãi tới khi nào thành công vẫn là định lực này, định lực càng tăng trưởng càng tốt, dù ở một giai đoạn cũng phải dùng định lực. Chứng được giai đoạn sau cùng thì cái không

cũng không có, tánh cũng không luôn, nghĩa là không và tánh đều không còn. Lúc này vẫn phải dùng định lực, vì không không có tánh cũng không có mà anh không có định lực, vậy anh đến chỗ nào? Rốt cuộc anh không có chỗ về.

Lúc bấy giờ anh cũng phải dùng định lực, định lực này có khi biến thành đại định. Định lực này có mà không có, không có mà có, anh không cần tu định lực mà định lực tự nhiên không ra khỏi định, cho nên nói là đại định. Khi được đại định, anh muốn xuất định thì sẽ xuất định, còn nếu anh không muốn thì không xuất định.



Hỏi: Ngồi thiền đến bao giờ thì không cần quán tâm?

Đáp:

Cứ ngồi đến giai đoạn cuối, tánh không không có thì không cần quán tâm. Đây chính là không tu mà tu, tu mà không tu, vì vọng tưởng của anh đã dứt, tất cả đều là chơn tâm, vì anh còn quán cái gì?

Anh quán tâm là chế ngự tâm vọng tưởng, vọng tưởng đã dứt trừ, anh còn cái gì để quán? Cho nên Lục Tổ nói không cần quán tâm.



Hỏi: Phàm phu tu theo giai đoạn thứ nhất, còn người khai ngộ có cần tu theo giai đoạn thứ nhất không?

Đáp:

Anh phải là người lợi căn, hoặc nghe giảng hay tham công án, bất chợt xúc động linh cơ mà minh tâm kiến tánh, như vậy thì không cần giai đoạn thứ nhất.



Hỏi: Không cần từ giai đoạn đầu quán nhục đoàn tâm mà quán tâm được không?

Đáp:

Không cần. Sau khi khai ngộ tâm tánh sẽ hiện ra. Cần giai đoạn thứ nhất để công phu là vì nghe giảng giảng rồi mà vẫn chưa được khai ngộ, anh phải dùng định lực.



Hỏi: Vì sao tuổi già không có Tam-muội?

Đáp:

Lúc 60 tuổi, thể lực tốt thì có thể miễn cưỡng tu được, thể lực không tốt thì không thể tu được, vì sao? Vì tinh thần không vững thì định lực không vững mạnh, nghĩa là không có định lực. Chẳng hạn lúc trẻ anh ngồi được ba giờ, nhưng đến lúc già, ngồi ba giờ anh không nhập

định được. Bởi vì tinh lực không đủ vững mạnh, trong đất thiếu nước, đất không cách nào kết thành khối được. Cho nên người già khó mà tu định.



Hỏi: Điểm cơ bản của tư thế ngồi thiền như thế nào?

Đáp:

Ngồi kiết già đương nhiên rất tốt, nhưng nếu không ngồi được kiết già, cũng không nên cố gắng, công đức ngồi bán già cũng như kiết già. Khi ngồi, hai đầu gối và vai phải ngang nhau thành hình vuông, nếu hai gối cách nhau quá rộng thì thân không được thẳng, ngồi lâu sẽ cảm thấy đau lưng hoặc thân nghiêng lệch, như thế không thể ngồi lâu, và không thể nhập định được, không nhập định được thì không khai mở trí tuệ. Nếu cố gắng dùng sức làm cho thân ngay, ngồi lâu sẽ sanh bệnh, mà ngồi cũng không lâu được. Khoảng cách hai đầu gối càng hẹp thì xương sống càng thẳng, tự nhiên ngồi được tốt. Điểm thứ nhất là dễ nhập định, điểm thứ hai dù ngồi lâu mà máu huyết vẫn lưu thông, như vậy không bao giờ sanh bệnh. Đương nhiên bước đầu tập ngồi khó đạt được tiêu chuẩn này, luyện tập hoài dần dần quen thì tự nhiên thân sẽ thẳng.



Hỏi: Ngồi thiền có cần quán bất tịnh không?

Đáp:

Thiền tông trực tiếp liễu ngộ, không cần quán bất tịnh, chỉ cần nhận biết tâm là đủ rồi.



Hỏi: Khi ngồi đau, có nên đổi chân không?

Đáp:

Tu Tịnh độ có thể đổi chân, còn tu Thiền tông không nên đổi chân, vì ngồi thiền là tu thiền định, anh vừa đổi chân thì sẽ mất định, cho nên không được đổi chân.

Nếu chân đau, anh phải chịu đựng tiếp tục ngồi, chừng nào chịu hết nổi hãy buông chân ra. Nếu chân còn đau, anh không nên đứng dậy đi liền, mà hãy dùng tay xoa bóp cho máu huyết lưu thông rồi sẽ đi. Nếu ngồi chưa được bao lâu mà chân đã đau, thì phải xoa bóp chân cho thư thả rồi hãy ngồi tiếp. Tê chân dễ bị bệnh, còn đau chân thì không sao.

Nếu anh ngồi khoảng 30 phút đau, thì anh phải phát tâm ngồi 35 phút, khi đau chân cứ cho nó đau, anh không nên chịu theo ý nó, anh cứ việc ngồi, nếu anh không chịu đau nổi thì làm sao anh tiến bộ được?

Làm sao kéo dài được thời gian ngồi?

Anh cố gắng được năm phút, khoảng ba lần như vậy anh sẽ hết đau, như thế anh sẽ ngồi được 35 phút,

rồi sau đó anh sẽ tăng thêm thời gian. Nhưng tê chân không nên tăng thời gian, mà phải xả ra ngay. Nếu khi tê chân mà vẫn cố gắng thì sẽ bị đau.

Tất cả những điều kiện ngồi thiền đã đủ, kể đến là quán tâm, đây là điều kiện lớn nhất. Nếu anh không quán tâm, trong tâm vọng tưởng nhiều, thì chân rất dễ đau, và rất mau tê. Nếu anh cố gắng quán tâm, tâm không còn động thì chân sẽ không đau.



Hỏi: Khi ngồi có cần lót nệm không?

Đáp:

Đương nhiên bước đầu mới tập ngồi thiền thì phải cần lót nệm để cho hai đầu gối được khỏe, ngồi quen rồi có thể không cần.



Hỏi: Ngồi thiền có nên ngồi đối diện với cái gì không?

Đáp:

Tông Tào Động ngồi đối diện với tường, khoảng cách độ một mét. Vì tâm đối diện với tường khoảng cách gần sẽ dễ nhiếp tâm. Còn nếu đối diện hư không mà ngồi, hư không rộng thênh thang, tâm rất dễ tán loạn.

Hỏi: Lúc nào không nên ngồi?

Đáp:

Lúc ăn cơm no không nên ngồi, khoảng hơn một giờ rồi hãy ngồi. Người tu thiền không nên ăn quá no, ăn khoảng sáu bảy phần thôi, nếu ăn no tám phần, khi ngồi hơi thở sẽ thô.



Hỏi: Có người nói rằng ngồi thiền ngày đêm không cần ngủ, có việc ấy không?

Đáp:

Người xưa ngồi thiền cả năm, không cần ăn cũng không cần ngủ. Người bây giờ nói ngày đêm không ngủ là dối người, họ ngồi ngủ gục mà cho là ngày đêm không ngủ, đây là đã hồ thiền – Thiền chồn tỉnh – vì chồn tỉnh ở trên núi ngồi ngủ.

Người xưa ngày đêm không ngủ là vì Phật tánh đã rời khỏi thân, Phật tánh ngồi thiền chứ không phải thân ngồi thiền, thân đã thành vật bên ngoài. Phật tánh không sanh không diệt, thì làm gì có nằm có ngủ! Cho nên, dù cho ngồi nhiều hay ít, điều quan trọng là không động.

Bây giờ thần thức của chúng ta không có rời khỏi thân, thần thức có sanh có diệt, cho nên chúng ta không ngủ không được, nhưng cũng không cần ngủ nhiều.

Chúng ta tu hành là tu tâm tánh để xả thân này. Nếu anh bồi dưỡng thân này cho rằng nó là của báu, tu như vậy xin miễn bàn. Bây giờ Đài Loan vật chất quá nhiều, mọi người toàn tìm cầu vật chất, họ nói rằng ăn món ngon có dinh dưỡng, mặc quần áo tốt, ngồi xe nhập khẩu, hoàn toàn rời khỏi tâm tánh, toàn là làm bằng tâm sanh tử, như vậy làm sao giải thoát được?



Hỏi: Pháp số tức tu như thế nào?

Đáp:

Vì vọng tưởng quá nhiều cho nên mới dùng phương pháp số tức để khống chế vọng tưởng. Pháp số tức có hai, cách thứ nhất là đếm hơi thở ra mà không đếm hơi thở vào, hoặc đếm hơi thở vào mà không đếm hơi thở ra. Đếm một, hai, ba ... cho đến mười, không nên đếm quá mười. Đếm đến mười xong, đếm ngược lại, chín, tám, bảy ... cho đến một. Đếm đến một xong lại đếm đến mười, rồi đếm trở lại đến một. Từ một đến mười, không cần phí tâm rất dễ dàng.

Nhưng đến mười rồi, khi đếm lui trở lại, anh đếm đến chín, phải thấy có chín, đếm đến tám phải thấy có tám, nếu không nhìn thấy, khi anh đếm sẽ lộn. Đây là cách cột tâm anh, khiến cho tâm không chạy ra ngoài.

Nếu anh thấy được chữ số một, đếm không lộn, không lộn là gì? Nghĩa là tâm anh không loạn, mỗi lần tâm anh đều thấy số đếm. Còn nếu tâm anh không nhìn thấy,

anh vừa đếm liền lộn. Cho nên đếm hơi thở chính là dùng tâm để nhìn thấy, nếu anh không dùng tâm nhìn thì không có công đức gì cả.

Cách thứ hai là từ một đếm đến mười rồi không cần đếm lui trở lại, mà trở lại từ một đếm đến mười. Phương pháp này anh phải đặt mục tiêu, chẳng hạn như khi đếm một thì thấy tượng Phật Thích _ ca giống cái gì, khi đếm một nhất định phải thấy được tượng Phật này.

Thấy rõ ràng rồi lại đếm đến hai. Khi đếm đến hai, lại đổi thấy một vị Phật khác, như thấy tượng Phật A-di-đà, như thế đếm mãi đến mười, anh phải giữ chắc tâm mình khít khao như thế, khiến cho tâm không loạn tưởng.

Khi đếm nếu anh không thấy được tượng Phật thì tâm anh sẽ loạn tưởng, cho nên đếm hơi thở là phương pháp không chế vọng tưởng. Nếu đếm hơi thở được thuần thục rồi, thì không cần đếm nữa. Bước kế tiếp là thấy hơi thở, thấy hơi thở ra vô như thế nào, dài ngắn ra sao. Như thế càng thấy càng tế, càng tế càng ngắn, ngắn đến nỗi không còn thấy hơi thở nữa, vọng tưởng cũng sẽ không có, lúc ấy bất chợt anh sẽ nhận ra Phật tánh.

Ngôi thiền giai đoạn thứ nhất là ngôi quán tâm, quán tâm nghĩa là quán nhục đoàn tâm. Nhục đoàn tâm là tâm trạng của chúng ta, nó vốn không có động, nhưng anh vừa thấy nó thì nó động liên tục không gián đoạn.

Vì sao?

Bởi vì tâm vọng động trụ ở trong, cho nên vừa nhìn thì nó liền động, anh nên cố gắng nhìn nó, nhìn đó là kiểm chế tâm vọng tưởng. Nhìn một thời gian lâu rồi,

sẽ thấy nhục đoàn tâm không còn nữa. Càng dụng công quán nó, nó càng không có, như vậy anh sẽ biết công phu của mình đã tiến rồi. Anh cố gắng quán cho tâm mình được không tịnh, đây chính là giai đoạn thứ hai.

Không là gì?

Không chính là bản tánh.

Giai đoạn thứ nhất khi quán tâm thì vọng niệm lăng xăng, những tạp niệm lúc nào cũng có, đó là vô minh không tốt.

Anh quán vô minh không có thì sẽ biến thành không tịnh, khi ở trạng thái không thì không có vô minh. Tất cả đều là không, lúc đó tánh không của anh sẽ hiện ra, nhưng tâm vẫn chưa sáng, lúc đó tâm giống như trời nửa mát nửa trong, anh vẫn chưa thấy được ánh sáng. Anh tiếp tục quán nữa, người quán là Bát-nhã, đối tượng để quán là vô minh, tâm không sáng là vì vô minh chưa hết, anh lại tiếp tục quán đến bao giờ hết vô minh thì ánh sáng sẽ hiện ra.

Khi quán không, nếu chẳng biết không chính là tự tánh, thì anh hãy nhìn không, sẽ trở thành không. Anh biết không tức là tự tánh, tự tánh tức là không.

Nhìn không phải nhìn đến trình độ nào? Nhìn thấy được ánh sáng mới tốt. Lúc ấy tâm anh rất vui, vừa vui anh sẽ chuyển niệm, anh luôn luôn giữ gìn cảnh giới ấy không quên, đến trình độ này gọi là “nhập vận”.

Ở trên tôi đã bảo anh chuyển niệm, nhưng chuyển niệm ấy không phải nhập vận, tôi bảo anh chuyển

niệm là mở cửa thấy núi, giai đoạn thứ nhất và giai đoạn thứ hai đều cất bỏ, không có tu hai giai đoạn này mà chỉ trực tiếp quán giai đoạn thứ ba thì anh không thể nhập được. Anh chỉ còn phương pháp kiểm chế, vì không kiểm chế tâm, anh không thể ứng phó nổi vọng tưởng, chỉ còn kiểm chế để chuyển niệm, luôn luôn chuyển niệm không quên. Giả sử hôm nay chuyển niệm thành thực rồi, thì trong mười hai thời không cần chuyển niệm mà nó cũng tự chuyển niệm. Cũng như vậy, ngày sau lúc sắp mạng chung, chuyển niệm này tự mình sẽ chuyển, vừa chuyển liền thành một khối không. Trong không, không có tam giới, đây không phải vượt khỏi tam giới giải thoát sao?

Đó là giai đoạn thứ ba, vì có chuyển niệm, cho nên không gọi là tịch cũng không gọi là tịch diệt. Tuy không phải tịch diệt mà anh có chuyển niệm, chuyển niệm này chiếu, cho nên giai đoạn thứ ba chỉ có chiếu mà không có tịch, đợi đến giai đoạn thứ tư mới tịch mà thường chiếu.

Tịch là trạm nhiên thường tịch, chiếu là thường chiếu, sáng suốt không mờ, rõ ràng thường biết, trong 12 thời lúc nào cũng tịch mà thường chiếu, chiếu mà thường tịch. Đến lúc nhập diệt thì đâu còn có gì khác? Nghĩa là tịch mà thường chiếu, chiếu mà thường tịch. Thường chiếu tức là không diệt, thường tịch tức là không sanh, không sanh không diệt, chỉ có một khối sáng suốt, đây chính là pháp thân của mình.

Hỏi: Khi ngồi thiền quán tâm, quán tâm vọng tưởng tốt hay quán nhục đoàn tâm tốt?

Đáp:

Khi có vọng tưởng, anh nhìn xem vọng tưởng từ đâu đến, đi về đâu. Anh vừa nhìn, vọng tưởng sẽ không có. Nhưng khi nhìn thấy không có, anh phải nắm chắc cái không có này, cái không có này chính là chơn, cái gì có tướng đều là vọng, không tướng tức là thật tướng.

Nhưng anh có thể nắm chắc được “Không có” chăng? Hỏi vọng tưởng vừa không có, anh cũng không nhìn thấy, công phu của anh cũng không còn, cho nên pháp môn quán tâm vọng tưởng lại không thành. Còn quán nhục đoàn tâm, quán nhục đoàn tâm không có, vì công phu quán tâm của anh cần phải tiến, nhục đoàn tâm mới quán không có, cho nên công phu quán tâm của anh vẫn còn.



Hỏi: Nếu công phu quán tâm vọng tưởng của con vẫn còn thì sao?

Đáp:

Nếu công phu của anh còn thì anh phải hành. Vọng tưởng vừa khởi, anh “không sợ vọng tưởng, chỉ sợ giác chậm”. Nếu niệm vừa khởi liền biết, biết thì nó không

có. Anh nắm chắc cái không có này, đó chính là tâm thanh tịnh. Anh nắm chắc được không?



Hỏi: Vì sao nói quán tâm vọng tưởng không dễ nắm được không, còn quán nhục đoàn tâm thì nắm được?

Đáp:

Tôi vừa nói đó, vì khi anh quán nhục đoàn tâm, công phu của anh cần phải tiến, anh quán nhục đoàn tâm không có, như vậy là công phu của anh không mất. Nếu anh quán tâm vọng tưởng, mà không dụng công này thì vọng tưởng sẽ lăng xăng mà anh không biết, đến khi anh biết thì vọng tưởng quá nhiều rồi. Lúc ấy bất chợt anh biết có vọng tưởng, biết thì anh hãy nhìn nó, nhìn nó thì nó không có, không có, vậy anh còn quán cái gì?

Anh mới nhìn thấy thì công phu ấy chưa tiến, anh mới có một chút công phu thôi. Tôi nói quán nhục đoàn tâm, anh quán không có nhục đoàn tâm, cần một thời gian rất dài! Công phu sẽ được chắc thật không còn lui sụt.

Anh quán tâm vọng tưởng, mà quán không có, vì công phu của anh quá ngắn ngủi, cho nên mới quán không có, như vậy công phu của anh sẽ lui sụt. Chẳng hạn như anh muốn bắt một tên trộm trong nhà mà anh lại nằm ngủ, như vậy anh có bắt được trộm không? Nếu anh muốn bắt được trộm thì anh phải luôn luôn mở hai mắt nhìn

thì anh mới bắt được, công phu của anh cũng giống như bắt trộm thì anh mới đạt tới đích được.



Hỏi: Khi ngồi thiền thì tâm kiểm chế được không, nhưng khi xả ra thì vọng tưởng lại đến, như vậy là sao?

Đáp:

Như khi anh đi trên đường, đến một nơi nào đó anh dừng nghỉ, vừa dừng nghỉ thì anh sẽ nhìn ngó tứ phương. Còn nếu anh cứ đi mãi thì anh không nhìn tứ phương. Ngồi thiền đến trình độ này anh đã nhận ra được tánh không, nhưng anh phải xét coi tánh không là gì, tánh không này có quan hệ gì với anh, anh phải cố gắng đi tới trước, nghĩa là anh phải cúi đầu nhìn thấy con đường, thì làm gì có vọng tưởng? Làm gì thấy có hai bên?

Nếu như lúc ấy anh dừng nhìn tâm, cho rằng như vậy là tốt rồi, đây là tánh không của mình. Tánh không tốt ra sao, anh không chịu tra xét, thì vọng tưởng đương nhiên sẽ đến.



Hỏi: Đến trình độ này rồi, phải làm sao tiếp tục dụng công?

Đáp:

Khi tâm được thanh tịnh, anh phải cố gắng hạ quyết tâm, cắn chặt răng liều chết, để cho thức thứ

sáu không góc đầu dậy nổi. Khi anh được định rồi, anh cố gắng nhìn nó, đến bao giờ không còn động mới thôi. Nếu anh vừa lơ lửng thức thứ sáu thì vọng tưởng sẽ đến.

Đến chỗ này, anh cố gắng dùng định lực giữ chặt nó, không cho nó động, thời gian càng lâu càng tốt, dù ngày hay đêm anh đều được như thế thì anh sẽ thành công. Nếu anh cố gắng nín thở kềm chặt nó một thời gian dài, đến mức vọng tưởng không có, đó gọi là diệt tận định.

Trong sách nói rằng chỗ tốt của diệt tận định là vượt hơn các định tầm thường, nhưng không phải là đại Bồ-tát, chẳng qua chỉ là phần đoạn sanh tử thôi.

Đối với anh thì tôi nói như thế, nhưng đối với người đại thiện căn thì không nói như thế. Người đại thiện căn thì không cần ngồi, kệ rằng:

Ý duyên lùm bụi,

Cỏ dại bên đường.

Nếu khế ngộ được,

Ấy là người trí.

Người đại thiện căn áp dụng theo bốn câu kệ này.



Hỏi: Người đại thiện căn tâm định rỗng không, đây chính là tâm mình, không cần tiếp tục nhìn tâm kèm tâm nữa phải không?

Đáp:

Không phải như thế. Đến chừng nào tâm hoàn toàn rỗng không, cái không này chính là tâm tánh của mình. Thấy cái gì cũng không, muôn vật đều là tánh không này, không có cái thứ hai, cho nên không cần ngòai nữa.

Ở đây có nghĩa là “ý duyên bụi rậm” thức thứ bảy sanh ra tất cả vọng tưởng, “cỏ dại bên đường”. Vọng tưởng giống như cỏ dại bên đường, có màu sắc, có cao thấp. “Nếu khế ngộ được”, một phen biết rõ tất cả những thứ đó đều từ tâm mình biến hiện, biến hiện cái gì cũng là không. Không chính là tâm, tâm chính là không, chẳng phải không cũng chẳng phải tâm, không cũng là tâm, tất cả đều là một, như thế chính là “nếu khế ngộ được”, “ấy là người trí”, đây chính là người trí tuệ.

Lục Tổ nói:

*Huệ Năng không tài khéo,
Chẳng đoạn các tư tưởng.
Đối cảnh tâm thường khởi,
Bồ-đề làm gì lớn.
Đây chính là ý vừa nói ở trên.*

Hỏi: Vọng tưởng cũng là tâm, như vậy nhận tâm vọng tưởng có đúng không?

Đáp:

Chơn tâm là tâm của mình, vọng tâm cũng là tâm của mình, tâm không có hai, như vậy chính là khai ngộ.

Căn cơ của anh chưa được như thế, chỉ tu diệt tận định, cố gắng diệt vọng tưởng cho nó không có. Nếu anh một bên thấy không một bên dẹp vọng tưởng, vọng tưởng khởi lên thấy là không, khi thấy không, vọng tưởng lại đến, trong một ngày hai mươi bốn giờ, anh có hết hai mươi giờ dẹp vọng tưởng, còn bốn giờ thấy không, như thế cũng không ích lợi gì cả, mà anh phải luôn luôn không có vọng tưởng và thấy không thì mới được không.

Anh vừa nói rằng khi ngồi thiền cái không ấy lại không thể định được, đó là vì anh còn có nhiều vọng tưởng, cái không ấy là thần thức không, do kèm chế mà được không chứ không phải là chơn không, chơn tâm không mới là chơn không.



Hỏi: Vì thần thức đã không cho nên thầy mới nói phải cần rằng tiếp tục nhìn nó, nhìn bao lâu mới biết là không?

Đáp:

Nghĩa là không cho vọng tưởng dấy khởi, đây gọi là diệt tận định, thức diệt rồi anh chỉ biết không có vọng

tướng, nếu anh không biết đây là chơn tâm thì anh chỉ chứng được phần đoạn sanh tử mà không chứng được biến dịch sanh tử. Bởi vì anh không biết đây là chơn tâm mà chỉ ngồi tu đoạn trừ thần thức.



Hỏi: Ngồi đoạn trừ thần thức, trí tuệ có hiện ra không?

Đáp:

Ngồi đoạn trừ thần thức anh chỉ được vui trong tâm thôi, anh chỉ biết không có vọng tưởng mà không biết đó là chơn tánh. Nếu anh biết được chơn tánh, khi anh vừa đoạn vọng tưởng, trong tâm liền thanh tịnh, tất cả vật đều là tự tánh của mình, tất cả cảm thọ đều là tâm tánh của mình, nhưng tâm không có nghĩ về nó. Dù gặp sự đả kích nào tâm cũng không có phiền não, gặp việc vui lớn cỡ nào tâm cũng không có cao hứng, đó chính là tâm bình đẳng.

Anh dùng tâm thanh tịnh để kiềm chế tâm phiền não, tâm phiền não dứt trừ chính là tâm thanh tịnh. Nếu anh không dùng tâm này mà dùng định lực để được định, nhưng ai kiềm chế anh không biết, anh hoàn toàn không biết tâm này, đó chỉ là diệt tận định mà thôi.



Hỏi: Tu diệt tận định, kèm chế thức thứ sáu không động, thức thứ bảy cũng không động chăng?

Đáp:

Chúng ta sanh tử là do thức thứ sáu, anh phải kèm chế thức thứ sáu, kèm chế 'như thế nào? Ngoài phương pháp ngồi thiền không có cách nào khác để kèm chế nó, anh nên ngồi thiền chỉ tử. Tư thế ngồi tốt anh sẽ giữ được lâu, anh ngồi trên bồ đoàn thì thức thứ sáu cũng ở trên bồ đoàn, anh cố gắng giữ thức thứ sáu không cho nó động. Thật ra đây chỉ là một hình thức công phu, sức công phu của anh từ đâu đến? Có phải từ tâm anh không?

Khi ngồi kèm chế tâm, ngồi trên bồ đoàn không phân biệt ngày hay đêm, anh cố gắng kèm giữ nó. Hôm nay anh công phu như thế, ngày mai cũng như thế. Một ngày không ngộ, ba ngày sẽ ngộ, công phu của anh cần phải tiến lên, không phải kèm chế thức thứ sáu cho bất tử mà đợi nó được bất động thì thức thứ bảy không khởi tác dụng, không còn có suy nghĩ gì cả. Không có suy nghĩ thì không có chủng tử, không có chủng tử thì thức thứ tám sẽ thanh tịnh. Đây chính là chơn như, nếu anh không biết đây là chơn như thì anh chỉ chứng được diệt tận định thôi.

Nếu anh biết những đạo lý này, thì tu không phải là việc khó. Còn nếu anh không biết những đạo lý này thì dù cho anh ngồi thiền hay tu như thế nào, anh cũng chỉ là tu luyện mù mà thôi. Anh cần phải nhờ định lực ngồi thiền để kèm chế vọng tâm, đó mới là chơn tánh

tu hành. Cho nên kinh nói: “Kềm tâm một chỗ, không việc gì chẳng xong”.

Bồ-tát tu định Đại thừa, pháp Đại thừa dạy tu lục độ vạn hạnh – bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ. Nếu không biết trí tuệ mà chỉ tu năm độ trước, thì dù cho anh tu thế nào cũng không giải thoát được.

Thiền định, lúc định mà được không, thì đó chính là trí tuệ. Năm độ trước như mù, còn trí tuệ như mắt, không biết lợi dụng trí tuệ, giống như không có mắt, anh chỉ là tu mù, anh không tìm được cảnh giới của Phật, anh không cách gì giải thoát.

Định của Phật gọi là già định, nghĩa là hằng không có xuất định. Định của trí tuệ gọi là đại định, đại định ý muốn nhập định thì nhập định, ý muốn xuất định thì xuất định, không muốn xuất định thì sẽ định hoài, đó là đại định.

Người phàm phu khi ngồi thiền cũng nhập định, nhưng đối với người già thì không được Tam-muội, người già không được đại định. Khi tuổi còn trẻ ngồi thiền công phu tốt cho nên dễ nhập định. Chẳng hạn như anh có thể ngồi được hai giờ, khoảng một tiếng rưỡi mà vọng tưởng không dứt thì không dễ nhập định. Khi ngồi thiền công phu được tốt, ba mươi phút sau tâm anh sẽ được định, đây là mới vào định, như thế anh chỉ được một giờ rưỡi ở trong định.

Khi ngồi được hai giờ rồi, chân anh sẽ tê đau nhức không thể ngồi được nữa, lúc này anh sẽ xuất định

ngay. Định này chỉ được trong lúc ngồi, không thể gọi là đại định, nếu đại định không muốn xuất thì không xuất định.

Khi nhập định, tuy nhập định nhưng tâm còn có chỗ trụ, chỗ này trong thiền ngữ gọi là tĩnh lực, hoặc tư duy tu. Tĩnh lực tức là tư duy tụ chứ không có gì khác.

Sao gọi là tĩnh lực?

Khi ngồi thiền, trước phải biết quán tâm, kèm tâm một chỗ, anh kèm tâm một chỗ anh mới nhập định được, mãi đến khi nhập định, tâm anh sẽ thanh tịnh.

Anh định được tốt, khi định lực vững mạnh thì không cần kèm tâm mà anh vẫn ở trong định, lúc ấy nhất định phải có tĩnh lực. Nếu anh không có tĩnh lực này, thì vọng tưởng sẽ nổi dậy liên tục, anh hoàn toàn mất hết định này. Còn nếu định lực của anh vững mạnh không có nghĩ bậy nghĩ bạ, mà trong tâm anh cũng không có tĩnh lực, tâm cảm thấy như một khối rỗng lặng thì anh phải biết rằng vọng tưởng không có mới rỗng lặng. Biết được một khối rỗng lặng thì nhìn cái gì cũng không có, đây chính là anh thấy được Phật tánh pháp thân của mình.

Anh ngồi được tốt như thế, giả sử không ngồi được tốt như thế, tâm anh phải có tĩnh lực. Khi tĩnh lực, trong tâm không nghĩ ngợi gì cả, hoặc khởi nghĩ ta sẽ thành Phật, nghĩ như vậy chính là tâm trộm, nghĩ được thần thông cũng là tâm trộm tâm tà. Đến trình độ này, không nên để có tâm ấy.

Nếu anh cảm thấy dường như mình biết được việc ấy, giống như có thần thông, trong tâm anh vừa có cảm giác này thì phải mau bỏ nó liền, trong tánh không hoàn toàn không có gì cả. Quyết định bỏ rồi, trong tâm sẽ tĩnh lự, tĩnh lự là gì? Dường như tâm anh giao động, động mà không động, không động mà động, dường như có hai, ba chữ, tối đa là ba bốn chữ, tới tới lui lui, xoay chuyển ở trong tâm.



Hỏi: Cái ấy có tác dụng thế nào?

Đáp:

Đây là đại biểu tâm anh chết rồi sống lại, sống lại nên mới khởi tác dụng. Nếu không có cái ấy, tâm anh sẽ trở thành chết, có cái ấy mới khởi tác dụng. Nhưng nếu anh động nhiều thì đó là vọng tưởng, không đủ sức tĩnh lự. Trong tâm anh vừa có cái ấy thì khiến cho anh không hôn trầm cũng không trạo cử, đây gọi là tĩnh lự.

Nếu không có tĩnh lự, và cũng không có gì cả, tâm anh yên lặng như nước phẳng lì, giống như một khối thủy tinh, trong tâm rất thoải mái không biết việc gì hết, lúc ấy anh dễ bị hôn trầm. Nếu không hôn trầm cũng rơi vào vô ký, đây là đại bệnh của người ngồi thiền. Nếu có tình trạng này, phải khẩn trương phấn chấn tinh thần, tiếp tục dụng công nữa.

Hỏi: Thầy nói hai ba chữ tới tới lui lui là ý thế nào?

Đáp:

Đó gọi là tĩnh lự, trong tâm không động mà động, động mà không động. Nếu chỉ là động mà không có bất động, đây là vọng tưởng. Còn nếu bất động mà không có động, tâm anh sẽ chết không khởi tác dụng. Nếu tâm anh tĩnh lự là như như bất động, người xưa nói rằng giống như hạt châu đặt trên mâm ngọc, động mà không động.



Hỏi: Hai ba chữ là mấy chữ nào?

Đáp:

Anh biết được mình chính là tâm tánh, là Phật tánh, là pháp thân của mình, trong phạm vi này bất cứ một chữ nào tùy anh dùng. Nhưng ngoài phạm vi này thì anh sẽ là vọng tưởng. Hoặc tưởng mình được thần thông, lại tưởng không xuất định, tưởng cái gì cũng là tâm trộm của anh cả. Anh có tĩnh lự thì tâm không hôn trầm cũng không trạo cử và cũng không có tâm trộm, đây là căn bản của việc ngồi thiền.



Hỏi: Đến giai đoạn này là kiến tánh phải không?

Đáp:

Tôi vừa nói không cho có tâm trộm, mà tâm trộm của anh đã nhảy ra rồi. Khi anh mới tập ngồi thiền, tôi nói như thế là đã siêu việt trình độ của anh rồi. Tôi đã nói, tâm không là trí tuệ là tâm tánh của anh. Tuy nói như thế, nhưng trong tâm anh cũng không cần phải nói mình đã minh tâm kiến tánh, lúc ấy anh tưởng mình minh tâm kiến tánh, đó chính là tâm trộm.

Vì sao gọi là tâm trộm?

Vì định lực của anh không có được trình độ tu tập, ngoài trình độ này mà dụng tâm đó là tâm trộm.



Hỏi: Tỉnh lự hoặc tư duy tu sử dụng vào lúc nào?

Đáp:

Khi anh ngồi thiền đã nhập định rồi, thì anh ngồi ở nơi nào tâm cũng thanh tịnh, trong tâm không dính dáng gì cả, hoàn toàn thanh tịnh. Lúc ấy người không biết Phật tánh, đến trình độ này không phải vào ma, hạ thấp nhất cũng biến thành vô ký.

Người lớn tuổi tu hành lúc ấy sẽ biết tâm tánh của mình, khi biết tâm tánh rồi, hãy chuyên chú tinh thần vào tâm tánh.

Tâm tánh là không, nhìn thấy như không có, đó là pháp thân của anh. Nếu anh ngồi yên không dính mắc gì cả, tâm hoàn toàn thanh tịnh không động, nhưng ý của anh không có chết, ý anh nghĩ đến thần thông liền được thần thông, ý anh nghĩ cái gì thì sẽ theo đó mà đi đầu thai. Cho nên rất nguy hiểm.

Nếu anh không có ý, không nghĩ gì cả, trong tâm cảm thấy tự tại, trong tự tại mà hôn trầm ngủ gục thì công phu của anh không có kết quả hoặc là ở trong lúc tự tại, không thấy có gì, cũng không có ngủ gục, cũng không có ý niệm gì, dần dần không có việc gì cả, lúc ấy sẽ biến thành vô ký. Như vậy phải làm sao?

Người xưa nói, khi không có gì hết, anh phải có tỉnh lự. Tỉnh lự là sao? Nghĩa là anh phải tập trung tinh thần trong tâm, thấy được tâm và nắm chắc tâm ấy. Cho nên tôi bảo anh nếu tin vào lời nói này, bảo đảm không bao lâu anh sẽ rơi vào cảnh giới ma, vì tâm anh không rời anh, có ma thì làm sao tiến đến được? Ta không xâm nhập được chánh, ma qui bao vây anh, anh tập trung tinh thần trong tâm thì nó không cách nào vào tâm anh được.

Tỉnh lự nghĩa là nắm chặt tâm mình, không để cho tâm ý loạn tưởng. Nếu anh biết tâm này là Phật tánh của mình thì anh không cần công phu tỉnh lự làm gì, vì anh đã biết rõ tâm này chính là pháp thân là Phật tánh của mình. Anh phải nắm chặt Phật tánh này, càng nhìn Phật tánh càng không có, hoàn toàn là không. Khi được không rồi, trong tâm anh rất vui, biết rằng xưa nay là không.

Càng nhìn Phật tánh càng không có, càng không có càng nhìn, càng nhìn càng sáng suốt, càng sáng suốt càng nhìn, nhìn đến cuối cùng không có gì cả, đây chính là thấy đạo. Tâm anh và tâm Phật tánh tương ứng, nghĩa là “lấy tâm ấn tâm”. Nhìn không thấy có việc gì, đây chính là tánh, tánh là không, không có hình tướng. Thấy có đều là tà kiến, lúc ấy anh không thấy có việc gì cả, đây chính là kiến tánh.



Hỏi: Nếu biết tâm thanh tịnh là Phật tánh và nắm chặt nó, như vậy không cần công phu tĩnh lự được không?

Đáp:

Không cần tĩnh lự. Bởi vì sợ rằng không nắm chặt được Phật tánh, rơi vào cõi ma hoặc hôn trầm trạo cử cho nên mới dùng công phu tĩnh lự, không nên giữ tĩnh lự ở trên đỉnh đầu.



Hỏi: Nhập định tức là khai ngộ, là giải thoát sanh tử phải không?

Đáp:

Nhập định là nhập định, chứ không có khai ngộ. Muốn giải thoát sanh tử, ngoài khai ngộ ra, không có phương pháp nào khác.

Tu định của Thiền tông không phải tu tứ thiền bát định, mà là tu kèm tâm một chỗ, kèm tâm không cho nó vọng tưởng. Khi không có vọng tưởng, anh vẫn phải kèm tâm vẫn phải nhìn tâm, cho nên cái định này đối với sự giải thoát sanh tử có sự quan hệ trợ giúp lẫn nhau.

Nghĩa là kèm chế tâm một chỗ thì vọng tưởng hoàn toàn không có, tâm vẫn tương ưng, ở cùng một chỗ với tâm thanh tịnh. Tâm anh như như bất động, giống như hạt châu đặt trên mâm ngọc. Tâm anh lúc ấy gọi là tĩnh tư duy. Khi nhìn vào tưởng như chết mà thật ra tâm không có chết. Khi ấy tuy không khai ngộ mà anh được khai mở trí tuệ.

Trí tuệ từ đâu mà khai mở?

Như trước đây anh thường nghe giảng hoặc xem công án ngữ lục, anh đã có những học vấn này rồi, mà anh không hiểu, đến khi anh ngồi yên nhập định bỗng dưng anh hiểu ra, đây gọi là ngộ giải chứ không phải khai ngộ. Hôm nay bất chợt ngộ giải, tâm anh rất vui, đối với việc ngồi thiền anh càng công phu nhiều hơn, hôm sau dù cho bận thế nào anh vẫn muốn ngồi thiền, vì anh muốn có ngộ giải nữa.

Hôm sau lại tiếp tục ngồi thiền, rốt cuộc sẽ có ngộ giải? Ngộ giải càng nhiều càng vui, vui cho nên ngồi được lâu.

Hôm nay có được một ngộ giải, ngày mai không chắc có ba, bốn ngộ giải. Đợi đến khi ngộ giải nhiều rồi, giống như cây cổ thụ, ngày ngày đều đâm chồi nảy lộc, khai ngộ cũng giống như cây to lớn, khi chưa khai ngộ

5 giây trước là phạm phu, khai ngộ rồi 5 giây sau là thánh nhân, còn ngộ giải thì từ từ tăng trưởng.



Hỏi: Không kèm tâm không thể khai ngộ sao?

Đáp:

Không kèm tâm không được khai ngộ. Khai ngộ là từ tâm mà khai, không kèm tâm thì tâm anh sẽ nghĩ đông nghĩ tây, vọng tưởng lăng xăng, anh làm sao khai ngộ?

Cần phải kèm tâm, tâm càng thu càng nhỏ, đến cuối cùng thu lại rất nhỏ, lúc đó cố gắng kèm tâm theo, sau rốt tâm bị nhốt lại một chỗ, sẽ nổ tung một tiếng.

Khi anh càng thu lại, vô minh càng đen tối, vì vô minh nhiều đời nhiều kiếp của anh đều cho anh thu lại. Thu đến mức tối đa, vô minh nhiều đời nhiều kiếp sẽ nổ tung tan biến, lúc ấy một khối ánh sáng hiện ra, đây chính là Phật tánh của anh. Nếu anh không kèm tâm, làm sao tâm nổ tung được?



Hỏi: Khai ngộ rồi không có phiền não phải không?

Đáp:

Khai ngộ rồi sẽ đoạn dứt phiền não – đoạn dứt kiến hoặc, tư hoặc và trần sa hoặc – nhưng vô minh phiền

não vẫn chưa đoạn dứt. Nếu như đại triệt đại ngộ, tức ngộ tức chứng thì ngay đó vô minh phiền não cũng đoạn dứt. Nếu chỉ khai tiểu ngộ, chỉ đoạn được kiến hoặc tư hoặc, phải đại ngộ mới đoạn được trần sa hoặc, chứng ngộ rồi mới đoạn được vô minh hoặc.



Hỏi: Ngồi thiền lúc nào có kết quả lớn nhất?

Đáp:

Mãi đến bây giờ tôi đều ngồi vào lúc 3 giờ rưỡi, ngoại trừ rửa mặt tiểu tiện ra, không cho có việc gì khác. Lúc ấy niệm trước đã đoạn, niệm sau chưa khởi, ngay lúc đó chính là Phật tánh, anh nên ngồi thiền vào giờ đó. Nếu lúc đó anh lãng xãng nhiều việc, khi ngồi thiền tâm sẽ không được thanh tịnh. Khi nghe tiếng chuông báo thức, anh hãy mau mau thức dậy, không nên do dự mà phải ngồi thiền ngay, khi ấy tâm anh thanh tịnh không có động, ngồi thiền dễ vào định.



Hỏi: Làm thế nào mới buông được?

Đáp:

Không đủ định lực thì mãi mãi không buông được, hoàn toàn phải nương vào định lực.

Hỏi: Tu định lực là tu chỉ quán phải không?

Đáp:

Chỉ quán chính là tọa thiền, không tọa thiền thì không có chỉ quán, nhờ ngồi có định lực mới được chỉ quán.

Có những sách nói: định nhiều tuệ ít hoặc tuệ nhiều định ít đều không hành, mà phải định tuệ đều hành trì. Nếu căn cứ vào sách nói như thế, tuy rất tốt, nhưng không dễ gì tu được. Bởi vì trong sách nói định tuệ đều hành trì chứ không có nói quan tâm định tuệ đều hành trì, mà không dạy anh trực tiếp quán tâm. Còn tôi bảo anh định tuệ đều hành trì nghĩa là dạy anh quán tâm để tu định lực. Tôi đã nói rõ ràng bảo anh kèm tâm một chỗ, cố gắng kèm tâm, như thế định cũng có tuệ cũng có, đây chính là định tuệ đều hành trì.

Qua kinh nghiệm của tôi, cảm nhận rằng khi không có định tuệ, chỉ là phóng tâm tu định. Hoàn toàn phải nhờ vào định lực, chỉ quán chính là định, anh không có định lực, vọng tưởng lăng xăng thì làm sao anh chỉ? Làm sao anh quán? Anh không có định lực, làm gì có tuệ? Nếu anh hoàn toàn kèm tâm một chỗ, lấy tâm ấn tâm, đây chính là tuệ, nghĩa là định tuệ đều hành trì.

Nếu anh ngồi nơi nào đó mà không biết kèm tâm, không biết quán tâm, đó là định chết. Nếu anh lúc nào cũng nhớ tâm, đây chính là định tuệ đều hành trì.

Anh cố gắng ngồi trong lúc ngồi đừng quên tâm, quán nghĩa là quán tâm, chỉ nghĩa là đừng tâm không động, đây chính là định tuệ đều hành trì.

Người xưa nói: “Đứng ngồi tự tại, hoàn toàn nương nhờ định lực”. Anh không có định lực, khi chết anh có ra đi tự tại được không?



Hỏi: Ngồi thiền như thế nào mới khai mở trí tuệ?

Đáp:

Ngày đêm thường ngồi quán tâm. Càng quán tâm càng định, tâm định không động chính là không, không chính là trí tuệ của anh, đây là ở trong định mà được trí tuệ.

Quán tâm có thể quán được định nhưng trong định mà không biết là tâm, thì định này không khai mở trí tuệ, vì định tuệ không đồng nhau. Ở trong định anh không cần khai mở trí tuệ, không cần cầu tánh không, anh chỉ cần cố gắng định. Nhưng ở trong định anh phải luôn luôn nhận biết tâm tánh, không nên quên tâm tánh. Nếu quên tâm tánh sẽ thành cây đá, tâm sẽ không khởi tác dụng, trở thành định chết chứ không khai mở trí tuệ.

Ở trong định anh phải cố gắng, giống như hạt châu để trên mâm ngọc.

Hạt châu để trên mâm ngọc, nếu anh nhìn nó động, hạt châu trên mâm vốn không có động. Không động mà anh lại nhìn thấy động. Cho nên hạt châu trên bàn không động mà động, động mà không động.

Trong tâm anh có cảnh giới này thì anh cố gắng giữ gìn nó, trong 12 thời luôn luôn như thế, bất chợt chạm đến nó một tiếng liền khai ngộ, chính là một khối sáng suốt.



Hỏi: Tam vô lậu học – giới, định, tuệ – và dụng công ngồi thiền có quan hệ gì không?

Đáp:

Giới và định không có phân chia, tâm được định rồi, thì sẽ không có giới, không cần nói phạm đại giới gì cả, vì trong định ngay cả vọng tưởng cũng không có, vậy làm gì có giới? Cho nên giới chính là định.

Trong định tâm tánh anh hoàn toàn được kèm chế, nếu kèm chế tâm không động, đó là định chết. Người xưa nói: “Nước chết không nuôi được cá sống”, định chết thì không khai mở trí tuệ. Anh cần phải có tâm tánh, dù định đến trình độ nào, anh cũng không nên quên tâm tánh, anh phải nắm giữ tâm tánh, tâm tánh giống như cá sống, còn định là nước chết. Anh rời tâm tánh, dù cho cầu cái gì cũng không thành.

Công phu thiền định dù có tốt thế nào, cũng không cho có cảnh giới. Nếu ngồi thiền thấy có cảnh giới, đó là biểu hiện anh không có công phu kèm tâm. Nếu kèm tâm được thanh tịnh thì làm gì có cảnh giới? Đây là điểm thứ nhất.

Điểm thứ hai, nếu kèm tâm mà vẫn có cảnh giới, cảnh giới tốt cũng không nên lưu giữ, cảnh giới xấu thì bỏ nó ngay.

Vì sao?

Bởi vì tâm thanh tịnh không cho có cảnh giới, vừa có cảnh giới thì tâm không thanh tịnh.

Công phu thiền định không cho có cảnh giới gì, vì thiền định là giữ gìn tâm thanh tịnh. Nếu có cảnh giới dù tốt hay xấu, tâm anh cũng không thanh tịnh. Tâm không thanh tịnh sẽ có rất nhiều cảnh giới. Có cảnh giới tâm anh được gọi là thanh tịnh không? Tâm không thanh tịnh, anh còn có sanh tử không?



Hỏi: Pháp môn quán thân tâm nội không, khí giới ngoại không là tu như thế nào?

Đáp:

Tôi đã nói ở trước rồi, từ bước đầu nhìn tâm cho đến không còn tâm để nhìn mà chỉ thấy là không, tuy nhập định thấy tâm là không, nhưng anh phải nắm chắc cái không này, chớ nói rằng một lần hai lần, mà năm mươi lần một trăm lần cũng chưa chắc nắm được không.



Hỏi: Nắm không được không là sao?

Đáp:

Lúc ấy chẳng phải không có không, nhưng vọng tưởng của anh lại xuất hiện. Ngay lúc ấy, anh phải dùng công phu này để buộc chặt tâm lại “thân tâm nội không”. Muốn vậy, trước hết anh phải nắm chặt căn bản tánh không, bởi vì Phật tánh chính là không, không có việc gì cả. Bản lai diện mục của mình là không, không có hình tướng. Tìm được bản lai diện mục chính là khôi phục cảnh giới không, nhưng cảnh giới không, anh nắm không được. Cái không này có lúc lớn có lúc nhỏ, bất chợt cảnh giới không lại chẳng không, có những lúc lại biến hóa, vì anh chưa có công phu, cảnh giới trong tâm biến hóa nhiều, cho nên anh không nắm được không.

Nếu anh không biết Phật tánh, khi ấy sẽ rơi vào cảnh giới ma. Còn như anh biết Phật tánh, tuy có cảnh giới biến hóa, nhưng không đến nỗi vào cảnh giới ma. Ngay lúc ấy, trong tâm anh có một chuyển niệm, thấy tất cả đều là không, dù cho cảnh giới có chuyển biến thế nào mình cũng không cho nó chuyển biến, mình chính là không, tâm buộc chặt chính là không.

Không là sao?

Anh hãy nghĩ xem, Phật tánh bản lai diện mục của mình là không, anh lại nghĩ tiếp, hoặc trong kinh sách nói, hoặc là sư phụ giảng giải, một không tất cả không_tất cả đều là không. Tất cả đều là không mà anh lại thấy

mình ngồi tốt ở đây, như vậy làm gì có không? Hoàn toàn không có không.

Anh lại phát đại tâm để kiểm chế “thân tâm nội không”, quán tưởng thân mình vốn là không, hễ có tướng đều là hư vọng, thân này có sanh có diệt. Ngay lúc ấy, anh phát đại tâm chuyển niệm, thấy thân mình là không.

Tâm ấy không hay chẳng không?

Vừa chuyển niệm, thì Phật tánh của mình chính là không, thân tâm nội không là như thế.

Anh lại chuyển niệm nữa, thấy Phật pháp là vô ngại, mình chỉ mới thân tâm nội không, mình ở trong nhà này, tường vách và cửa không phải là trở ngại sao?

Anh lại chuyển niệm tiếp, một không thì tất cả không, tường vách cũng không, núi sông thế giới đều là không, đây chính là “thân tâm nội không, khí giới ngoại không”, trong ngoài tất cả đều là không.

Vì sao?

Phật nói một không tất cả không, Phật tánh của mình trùm hư không khắp pháp giới, không phải chỉ có Phật tánh trong nhà này mới không, mà tất cả đều không, đương nhiên cũng không có gì làm trở ngại. Từng bước phát tâm như thế, sớm muộn gì cũng được trình độ này, tự nhiên không cầu phát tâm mà cũng hiện ra, không như vậy là tốt lắm rồi.



Hỏi: Được “thân tâm nội không, khí giới ngoại không” sẽ giải thoát sanh tử không?

Đáp:

Người xưa nói: “Mười phương đồng tụ hội, mỗi mỗi tu vô vi, đây là trường thi Phật, tâm không thì đậu về”. Người đạt đến chỗ này đều là tu tâm tánh vô vi, giống như trường thi tuyển trạng nguyên, chúng ta ở đây là trường thi tuyển Phật, tuyển ai làm Phật?

Nếu tâm anh được không, đó chính là Phật. Tâm không thì tất cả đều không. Anh muốn sanh lên trời, trời đã là không, vậy làm gì có trời? Muốn chết đến chỗ nào chết? Trong tánh không không có thiên đường địa ngục, không có nhân duyên cha mẹ, không có gì cả, anh không muốn thành Phật cũng thành Phật.



Hỏi: Tâm không trước hay thân không trước?

Đáp:

Tâm không trước. Tâm anh chẳng không, thì thân anh mãi mãi muôn đời cũng chẳng không.

Tâm là chủ, tâm không thì cái gì cũng không có. Ở trên đã nói, tâm không thì đậu về. Tâm chẳng không, ngoại cảnh làm sao không được.

Hỏi: Nói như thế, khi tâm không thì thân tự nhiên không, vậy không cần quán thân không nữa.

Đáp:

Tâm không thân chẳng không, có phải tôi nói với anh là phải phát tâm không?

“Thân tâm nội không, khí giới ngoại không” và “Ngã chẳng không thì không thoát tam giới, pháp chẳng không thì không chứng Bồ-đề”. Nếu ngã chẳng không thì có thân, thân là tiểu ngã giả ngã, giả ngã này nhất định phải không. Nếu ngã không, thì Phật tánh chính là đại ngã, là chơn ngã, chơn ngã vốn là không.



Hỏi: Tâm không rồi, có quán thân không nữa không?

Đáp:

Tâm không rồi anh phải phát tâm nguyện, anh cảm thấy tâm đã không rồi, nhưng anh thấy thân vẫn còn ngồi ở chỗ tốt như thế, anh phải phát đại tâm.

Thân tâm nội không, thân này có sanh có tử, còn Phật tánh của mình không có sanh diệt, trong Phật tánh không có thân này, có thân là chương ngại, nhất định phải làm cho nó không.

Ngôi thiên điều kiện thứ nhất cần phải nắm chắc cội gốc của anh, cội gốc của anh là tánh không, tánh không ấy không có vật gì cả, vừa có một chút xiu vật

thì tánh không của anh không còn không nữa. Tánh không rỗng rang không có gì mới là thanh tịnh, nếu có một mảy may gì đó thì tánh không không thanh tịnh, không thanh tịnh thì anh không thể giải thoát.



Hỏi: Ngồi thiền như thế mãi đến khi được không không còn dính mắc gì hết, như vậy có rơi vào đoạn diệt không chăng?

Đáp:

La _ hán đến trình độ này không biết là Phật tánh, họ sẽ rơi vào đoạn diệt không.

Tôi đã nói nhiều lần Phật tánh là không, khi nào anh chứng được như thế, anh mới biết được Phật tánh chính là Pháp thân của anh.

“Một chữ biết là cánh cửa nhiệm mầu”. Anh biết được pháp thân của mình, đó là thành Phật, La _ hán không biết được pháp thân, cho nên họ rơi vào đoạn diệt không, điểm này chính ở nơi biết và không biết mà thôi.



Hỏi: Được không, không cần dính mắc gì mà còn biết pháp thân mình, như vậy có đúng không?

Đáp:

Đúng.

Vì sao anh phải tu cái không? Bởi vì tưởng thành Phật, tưởng giải thoát sanh tử.

Vì sao Phật tánh là giải thoát sanh tử? Hễ có tướng đều là hư vọng, cái gì có tướng sẽ có sanh diệt, hư không không có hình tướng, vì làm gì có sanh diệt?



Hỏi: Sau khi nhập định phải tu như thế nào?

Tổng hợp lại pháp môn mà thầy đã nói ở trước, sau khi nhập định còn có tu tĩnh lự, tu giai đoạn thứ ba trong bốn giai đoạn, quán cảnh giới muôn dặm không mây và còn có tu thân tâm nội không khí giới ngoại không, vậy sau khi nhập định phải tu như thế nào?

Đáp:

Sau khi nhập định, anh ở trong định thì phải thân tâm nội không, khí giới ngoại không, không phải đợi đến giai đoạn thứ ba mới tu.

Thân tâm anh nội chẳng không, khí giới ngoại chẳng không thì làm gì có được bầu trời trong xanh, muôn dặm không mây?

Thân tâm nội không thì nhân không ngã, khí giới ngoại không cho nên muôn dặm không mây.

Giai đoạn thứ nhất đi qua rồi, anh sẽ chứng được muôn dặm trời không. Nhưng muôn dặm trời không này giống như trời mát, tuy là một bầu hư không

thanh tịnh mà vô minh vẫn chưa sạch hết, đây là giai đoạn thứ hai.

Anh lại dụng công nhìn tâm, nhìn thấy một khối sáng suốt, anh sẽ tự biết công phu của mình đã tiến, tâm ấy thanh tịnh, thân tâm khí giới tất cả đều không có. Tuy tất cả đều không có mà tâm anh vẫn trụ ở trong vô hữu, cho nên mới nói là giai đoạn thứ ba.

Đến giai đoạn thứ tư, hoàn toàn không có gì cả, ngay cả hai chữ vô hữu cũng không có, không cũng không, đây mới là rốt ráo tới đỉnh.



Hỏi: Ngồi thiền mấy giờ trở lên mới được thân tâm nội không, khí giới ngoại không?

Đáp:

Các anh ngồi thiền thời gian quá ngắn, hạng thấp nhất phải ngồi được nửa giờ, ngồi được hai giờ trở lên càng tốt. Trong hai giờ, nửa giờ đầu vọng tưởng của anh chưa dứt trừ được, ngồi trên nửa giờ sau anh mới nhập định được. Như thế anh lại nhập định nửa giờ anh mới thấy được thân tâm nội không khí giới ngoại không. Nếu anh không có đủ thời gian, ngồi chưa được bao lâu mà đã xả, như vậy anh không thể nhập định được.

Nhưng căn khí của mỗi người không giống nhau, nếu lúc bình thường đi đứng nằm ngồi, trong 1² thời luôn

luôn lấy tâm ấn tâm, tâm tâm tương ưng, thì ngồi trên 5 phút cũng có thể nhập định được.

Nếu hàng ngày anh bận công tác, tâm anh lăng xăng lộn xộn thì thân tâm anh không cách nào không được. Còn như trong 12 thời dù lúc nào, bất chợt có một chuyển niệm, tâm anh rỗng rang thanh tịnh, bất chợt có một chuyển niệm nữa, tâm cũng rỗng rang thanh tịnh, trong tâm thường rỗng rang thanh tịnh, thì anh ngồi khoảng 5 giây là vào định.



Hỏi: Dù nhập định năm phút hoặc ba mươi phút, khi nhập định không có vọng tưởng rồi, có cần tu thân tâm nội không chăng?

Đáp:

Sau khi nhập định rồi, nếu trong tâm không có thân tâm nội không, không có khí giới ngoại không, khi ấy tâm anh làm gì? Tâm anh không có chỗ nương gá.

Nếu có thân tâm nội không thì trong tâm anh không có chỗ nương gá. Lúc ấy giả sử trong tâm anh không có chỗ nương gá, trong tâm anh không có gì cả, rỗng rang thanh tịnh, cảm thấy thoải mái vui sướng, cái gì cũng không có, đó là vô ký.

Tâm anh cần phải có nương gá, thân này là không, thân là không thì tường vách nhà cửa đều không, lục thân quyến thuộc bạn bè sự nghiệp cũng là không, núi sông thế giới cũng đều không.

Đã được không rồi, khi ấy tâm anh hoàn toàn là không, tâm anh nương gá vào không, tâm anh sẽ có cái không, đây chính là muôn dặm trời không.

Cảnh giới muôn dặm trời không tuy anh đã chứng được, nhưng trong tâm anh có cái không, anh cần phải đến giai đoạn thứ tư, giai đoạn này là một khối sáng suốt, không có việc gì cả, không cũng không có, không cũng trở về trong không, như thế mới là chơn không mới là rốt ráo.



Hỏi: Được định rồi tu tĩnh lực, hoặc tu pháp quán bốn giai đoạn mà quán ra ánh sáng, hoặc tu thân tâm nội không khí giới ngoại không, tu những pháp ấy có được không?

Đáp:

Được thì được, vì sao phải tu thân tâm nội không khí giới ngoại không? Vì đây là pháp môn tất nhất, những pháp môn khác đều đi lòng vòng, chỉ có pháp môn này là đi thẳng, rất gần, những pháp môn khác đều đi từ từ.

Tu những pháp môn đều có thể tu được, nhưng sự tiến bộ không giống nhau. Thân tâm nội không khí giới ngoại không, dù một chút xíu vật cũng không có, đã không có vật gì hết, vậy có sanh tử không? Không có sanh tử, cho nên đây là pháp tu nhanh nhất.



Hỏi: Căn và thức có khác nhau không?

Buổi giảng chiều hôm qua thầy hỏi đệ tử căn và thức có khác nhau không? Theo đệ tử, căn là tự tánh, phân biệt là thức. Chẳng hạn khi ăn phân biệt ngon dở là thức, nghe người ta nói mình tốt mình xấu mà tâm mình vẫn không động, đó là căn?

Đáp:

Anh là chim oanh vũ học nói, nghe người ta nói bất chước nói theo, như thế không có ích lợi gì cả.

Nghe nói căn và thức rồi, tự mình dùng công năng cảm thấy tâm mình là hai tâm, như nói thức có một thướt cao, căn chỉ có tám phân cao, so ra thức ngắn hơn, thấy rõ căn và thức là hai.

Trong tâm anh đã thấy như vậy rồi, anh sẽ hận thức này và có thể đè ép thức này. Đè ép thức, “căn” sẽ có điểm phóng quang, còn thức thì không có sáng gì cả, ánh sáng hoàn toàn ở trong tâm (căn).

Nói như thế mới chỉ là tỷ lượng (so sánh), anh cần phải có hiện lượng mới được. Anh nghe người ta nói rồi, tự mình phải dụng công để nhìn thấy tâm mình hiện ra cảnh giới ấy, như thế mới có lợi ích.



MỤC LỤC

Lời tựa.....	5
--------------	---

I. VẤN ĐÁP TÂM ĐỊA PHÁP YẾU.

Hỏi: Thế nào là đại nghĩa Phật pháp?.....	7
Hỏi: Thế nào là nhất tâm? Làm sao mới được giải thoát sanh tử?	12
Hỏi: Sao gọi là tức tâm tức Phật?.....	16
Hỏi: Tu tức tâm tức Phật có theo giai đoạn không?.....	17
Hỏi: Có định lực, thấy cảnh là thấy tâm phải không?.....	18
Hỏi: Khi có định lực, định chính là tuệ phải không?.....	18
Hỏi: Sao gọi là thật tướng?.....	19
Hỏi: Muốn tỏ ngộ thật tướng, có dẹp trừ tọa thiền khai ngộ, không cần phương pháp gì chăng?.....	20
Hỏi: Thật tướng có nhiều công đức, vì sao có sanh diệt mà không có không sanh diệt?	22
Hỏi: Chúng sanh hữu tình có Phật tánh, chúng sanh vô tình có Phật tánh không?	26
Hỏi: Những vật ấy có Phật tánh, vậy nó có thể thành Phật được không?	29
Hỏi: Nếu thành Phật thì có thể giảng kinh thuyết pháp độ sanh, những vật ấy có thuyết pháp được không?.....	29
Hỏi: Nếu đang thuyết pháp, vì sao không nghe không thấy?.....	30
Hỏi: Gà kêu, chim hót, chó sủa đã không nói pháp Tứ đế, Thập nhị nhân duyên, Lục ba-la-mật, vì sao nói nó cũng đang thuyết pháp?	30
Hỏi: Vô tình thuyết pháp có thể nghe thấy nó đang thuyết pháp gì không?.....	31

Hỏi: Tâm yên lặng đến tột đỉnh thì sẽ tương ứng với tánh không, chính là đang nghe nó thuyết pháp tánh không phải không?	33
Hỏi: Một tâm tịch diệt thì muôn tướng đều tịch diệt, lúc ấy là hương đồng đang thuyết pháp tịch diệt phải không?	33
Hỏi: Phẩm Định tuệ trong kinh Pháp Bảo Đàn nói: "Sáu căn tuy có thấy nghe cảm biết mà không, nhiễm muôn cảnh." Câu này nghĩa thế nào?	35
Hỏi: Thầy vừa mới nói, nói cũng nghe được, không nói cũng nghe được. Khi không nói thì nghe cái gì?	38
Hỏi: Thánh nhân chỉ nhận tâm trùm hư không khắp pháp giới, còn sáu trần đến đều không chấp?.....	39
Hỏi: Có vô lượng tâm sai biệt, làm sao buông được vô lượng vọng tưởng trong tâm?	40
Hỏi: Vọng tưởng và tâm là một hay hai?.....	41
Hỏi: Bài kệ này ý nghĩa thế nào?	41
Hỏi: Vì sao như thế?.....	45
Hỏi: Khi khai ngộ rồi, làm việc có phải là thần thức không?.....	47
Hỏi: Đây là bát thức chuyển thành tứ trí hay thức chuyển thành trí?...48	
Hỏi: Sao gọi là minh tâm kiến tánh?.....	49
Hỏi: Tham thiền và Tịnh độ là một hay hai?	52
Đạo Trí hỏi: Nghe mà không nghe.	54
Hỏi: Bồ-tát Quan Âm mới được sáu căn thông nhau, còn người thông thường ở trong định sáu căn được thông nhau không?	56
Cư sĩ Trần Bình Chương hỏi: Phật là nghĩa thế nào?.....	57
Cư sĩ Trần Bình Chương hỏi: Làm thế nào tâm không phân biệt?	59
Đạo Minh hỏi: Sao gọi là "thức nương duyên sanh, duyên sanh muôn pháp"?	61
Hỏi : Duyên là gì?	62
Hỏi: "Tâm sanh muôn pháp, muôn pháp về một", là thế nào?.....	63

Hỏi: Chuyển niệm có công đức gì không?	65
Hỏi: Nếu công phu tốt rồi, chuyển niệm được thấy tánh không?	66
Hỏi: Chuyển niệm là chuyển thành tánh không?	66
Cư sĩ Giang Quốc Tạc hỏi: Cư sĩ tại gia rất nhiều việc phải làm, như vậy làm sao tu Phật pháp?	68

II. VẤN ĐÁP VỀ Ý NGHĨA THIỀN ĐỊNH.

Hỏi: Từ lúc bắt đầu ngồi thiền quán tâm cho đến lúc kết thúc có chia ra mấy giai đoạn?	70
Hỏi: Giai đoạn sau cùng, không có thấy ánh sáng cũng không có thấy cái không?	72
Hỏi: Được như thế thì tâm tâm tương ứng, có phải như Lục Tổ Đàn Kinh nói luôn luôn không rời tự tánh?	72
Hỏi: Dựa vào căn khí cao thấp khác nhau của mỗi người mà tu định cũng có nhiều pháp tu khác nhau?	73
Hỏi: Ngồi thiền đến bao giờ thì không cần quán tâm?	81
Hỏi: Phạm phu tu theo giai đoạn thứ nhất, còn người khai ngộ có cần tu theo giai đoạn thứ nhất không?	82
Hỏi: Không cần từ giai đoạn đầu quán nhục đoàn tâm mà quán tâm được không?	82
Hỏi: Vì sao tuổi già không có Tam—muội?	82
Hỏi: Điểm cơ bản của tư thế ngồi thiền như thế nào?	83
Hỏi: Ngồi thiền có cần quán bất tịnh không?	84
Hỏi: Khi ngồi đau, có nên đổi chân không?	84
Hỏi: Khi ngồi có cần lót nệm không?	85
Hỏi: Ngồi thiền có nên ngồi đối diện với cái gì không?	85
Hỏi: Lúc nào không nên ngồi?	86
Hỏi: Có người nói rằng ngồi thiền ngày đêm không cần ngủ, có việc ấy không?	86

Hỏi: Pháp số tức tu như thế nào?	87
Hỏi: Khi ngồi thiền quán tâm, quán tâm vọng tưởng tốt hay quán nhục đoàn tâm tốt?	91
Hỏi: Nếu công phu quán tâm vọng tưởng của con vẫn còn thì sao?	91
Hỏi: Vì sao nói quán tâm vọng tưởng không dễ nắm được không, còn quán nhục đoàn tâm thì nắm được?	92
Hỏi: Khi ngồi thiền thì tâm kiểm chế được không, nhưng khi xả ra thì vọng tưởng lại đến, như vậy là sao?	93
Hỏi: Đến trình độ này rồi, phải làm sao tiếp tục dụng công?	93
Hỏi: Người đại thiện cần tâm định rõ ràng không, đây chính là tâm minh, không cần tiếp tục nhìn tâm kiểm tâm nữa phải không?	95
Hỏi: Vọng tưởng cũng là tâm, như vậy nhận tâm vọng tưởng có đúng không?	96
Hỏi: Vì thần thức đã không cho nên thấy mới nói phải cần rằng tiếp tục nhìn nó, nhìn bao lâu mới biết là không?	96
Hỏi: Ngồi đoạn trừ thần thức, trí tuệ có hiện ra không?	97
Hỏi: Tu diệt tận định, kiểm chế thức thứ sáu không động, thức thứ bảy cũng không động chăng?	98
Hỏi: Cái ấy có tác dụng thế nào?	101
Hỏi: Thấy nói hai ba chữ tới tới lui lui là ý thế nào?	102
Hỏi: Hai ba chữ là mấy chữ nào?	102
Hỏi: Đến giai đoạn này là kiến tánh phải không?	103
Hỏi: Tĩnh lự hoặc tư duy tu sử dụng vào lúc nào?	103
Hỏi: Nếu biết tâm thanh tịnh là Phật tánh và nắm chặt nó, như vậy không cần công phu tĩnh lự được không?	105
Hỏi: Nhập định tức là khai ngộ, là giải thoát sanh tử phải không?	105
Hỏi: Không kiểm tâm không thể khai ngộ sao?	107
Hỏi: Khai ngộ rồi không có phiền não phải không?	107

Hỏi: Ngồi thiền lúc nào có kết quả lớn nhất?.....	108
Hỏi: Làm thế nào mới buông được?.....	108
Hỏi: Tu định lực là tu chỉ quán phải không?.....	109
Hỏi: Ngồi thiền như thế nào mới khai mở trí tuệ?.....	110
Hỏi: Tam vô lậu học – giới, định, tuệ – và dụng công ngồi thiền có quan hệ gì không?	111
Hỏi: Pháp môn quán thân tâm nội không, khí giới ngoại không là tu như thế nào?.....	112
Hỏi: Nắm không được không là sao?.....	113
Hỏi: Được “thân tâm nội không, khí giới ngoại không” sẽ giải thoát sanh tử không?	115
Hỏi: Tâm không trước hay thân không trước?.....	115
Hỏi: Nói như thế, khi tâm không thì thân tự nhiên không, vậy không cần quán thân không nữa.	116
Hỏi: Tâm không rồi, có quán thân không nữa không?.....	116
Hỏi: Ngồi thiền như thế mãi đến khi được không không còn dính mắc gì hết, như vậy có rơi vào đoạn diệt không chẳng?.....	117
Hỏi: Được không, không cần dính mắc gì mà còn biết pháp thân mình, như vậy có đúng không?.....	117
Hỏi: Sau khi nhập định phải tu như thế nào?	118
Hỏi: Ngồi thiền mấy giờ trở lên mới được thân tâm nội không, khí giới ngoại không?.....	119
Hỏi: Dù nhập định năm phút hoặc ba mươi phút, khi nhập định không có vọng tưởng rồi, có cần tu thân tâm nội không chẳng?...120	
Hỏi: Được định rồi tu tĩnh lực, hoặc tu pháp quán bốn giai đoạn mà quán ra ánh sáng, hoặc tu thân tâm nội không khí giới ngoại không, tu những pháp ấy có được không?.....	121
Hỏi: Căn và thức có khác nhau không?	122

VẤN ĐÁP TÂM ĐỊA PHÁP YẾU

Đạo Tâm dịch

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

Số 4 - Lô 11 Trần Duy Hưng - Q. Cầu Giấy - Hà Nội

ĐT: 04-5566701 - Fax: (04).5566702

Chịu trách nhiệm xuất bản :

HÀ NGỌC THỌ

Biên tập

NGUYỄN TƯỜNG LONG

Sửa bản in

ĐẠO TÂM

Trình bày

CHỦ CHÌN

Bìa

ĐÌNH KHẢI

In 1.000 cuốn, khổ 14.5x20.5 cm, tại Công ty Liên Tưởng. GPXB số: 107 - 2008/CXB/05-09/TG và QĐXB số: 116/QĐ-TG, ngày 29.02.2008.
In xong và nộp lưu chiểu Quý II - 2008.



C húng sanh vì nhiều kiếp mê muội, từ vô thủy đến nay bị nghiệp thức che đậy, vọng nhận ngũ uẩn làm thân, duyên theo bóng dáng sáu trần làm tâm mình. Tuy cả ngày làm mà không biết mình làm gì, cho đến chấp rằng con người sống ắt có chết, sự nghiệp một đời chết là xong. Có người còn nói rằng: người ta chết rồi như lửa tắt, như mây khói tan, tiêu mất hết không còn gì. Vì lầm hiểu như thế, cho nên nhiều kiếp thọ khổ luân hồi ...